

QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 7 — LỄ VU - LAN NGÀY RẼM THÁNG BẢY NĂM CANH - TÝ

LIÊN - HOA

Nguyệt - San

Số VII năm thứ VI

Rằm tháng 7 năm Canh-Tý (5-9-1960)

TRONG SỐ NÀY :

Thông Bạch	<i>Hòa-Thượng Thượng-Thủ</i>
Nhơn dịp lễ Vu-Lan lược bàn chữ hiểu	<i>Liên-Hoa</i>
Phật-giáo là gì ?	<i>Thích Đức-Nhuận</i>
Ngày Hoan hỷ (Thơ)	<i>Huyền-Không</i>
Tìm hiểu phái ZEN ở Nhật	<i>Thích Thiên-Ăn</i>
Húc nhau chỉ làm thế ! (Mẫu chuyện đạo)	<i>Quảng-Huệ</i>
Vần thơ chữ Hán	<i>Đoàn-Nguyên-Nghị</i>
Mùa báo hiếu năm xưa (Tùy-bút)	<i>Vân-Hội</i>
Mấy vần thơ hiểu hạnh	<i>Đức-Thương</i>
Trên xe lửa	<i>Tân-Xuyến</i>
Hoài niệm Song thân (Thơ)	<i>Bà Tâm-Tấn</i>
Những ngã đường (Chuyện dài)	<i>Võ đình-Cường</i>
Cần hiểu đúng đắn ý nghĩa Gia-Đình Phật-Tử	<i>Hùng-Khanh</i>
Bức thư của Hòa-Thượng Hội-trưởng P.G.T.P.	
Lời kêu gọi của ông Chủ-Tịch U.B.C.T.N.N.H.H.	
Tin tức.	

Bìa do Họa-sĩ Phạm-dăng-Trí trình bày

Hộp thư

Chúng tôi có nhận những bài :

« Đâu là chơn chánh », « Tu Tĩnh », « Hồi chuông cảnh-tỉnh », « Đâu là may rủi » của Phùng kim Sâm — Bình-Định. « Người Phật-tử thuần thành » của Thiện-Minh — Quảng-trị. Thích - Ca Mâu - Ni » của Lý Trần — Đà-Nẵng, « Thu Ân », « Niềm tin », « Ai » của Chi-Hoa — Quảng-trị. « Chuông ngân », « Đào huyền » Thầy Nghiêm-Tĩnh — Sài-gòn, « Lời Tim » cô Lê Thị Tuyết — Phan-thiết, « Đạo với Đời » Đinh-Huyền — Bồng-Sơn, « Đạo Phật với đời sống hàng ngày » Giáo sư Phạm Lâm — Huế, « Mẹ Từ Bi » — Hồ-Tấn-Ân — Đà-Nẵng, « Chuông khuya » — Nguyễn Phê KBC 4002, « Tình yêu quê Hương » Lê-văn L — Huế, « A-Di-Đà-Phật » và « Ngưỡng cửa Từ-Bi » của Nguyễn xuân Phụng, « Giòng lịch-sử » của Quảng-Thiệu — Quảng-trị, « Kính dâng đấng Từ-Phụ » — Nguyễn Phô — Nha-trang, « Chiếc áo Lam » của Trưng-Huệ — Phan-Thiết, « Đạo dân Tộc » của Thanh-An Paris II « Giải thoát » của Anh-Chi — Đà-nẵng, « Sám Hối » của Thương-Lan — Huế, « Nụ cười Đức Di-Lặc » của Nguyễn Trường — Huế, « Người ly dục chọn ý Trung Nhân » của cô Minh-Tâm — Huế, « Sáu điều của Phật dạy » của P.T.P — KBC 4735 « Tám chánh Đạo » của Hoài-Mai — Huế, « Cầu nguyện » của Từ Phong — Đà-Nẵng, « Tìm chơn lý » Thầy Hoài-Sơn — Quảng-Nghĩa, « Chừa Non-Nước » của Lương trọng Minh — Đà Thành « Ngọn đuốc Sáng » của Châu-Ý — Quảng-Ngãi, « Tờ Báo nước nhà » của Tâm-Minh — Thái Lan, « Quy ngưỡng » của Tuyết-Lộc — Đà-nẵng, « Đạo lý Đông-Phương » của bà Tường Phổ — Nha-trang, « Chùa cổ » và « Ngày giỗ Mẹ » của Thiệu Dung — Banmêthuôt, « Yêu mùa Trăng Đạo » của N.T.L KBC 4277. « Nguyễn nhân Loại » và « Lay Phật » của Nguyễn văn Hậu — Đà-Nẵng, « Hoa Huệ » của Phô — Thạch Xuyên, « Mẹ » của Phan như Việt — Tam Kỳ, « Tôi yêu đạo mẫu » của Lâm-An — Cần Thơ, « Cải tạo tinh thần » của Lê văn Khỏe — Long An, « Một đời đạo lý » của Minh Tiến Vĩnh Long, « Màu lam » của Trúc Tân — Hội-an, « Bức thư của một thiếu nữ Phật-tử » cô Phan thị Mỹ Lệ — Gia Định, « Con Trăng » của một Phật-tử Đà-nẵng.

Chúng tôi xin thành-thật cảm ơn quý vị trên đây đã hoan hỷ cộng tác với Liên-Hoa Nguyệt-San, bài nào đáng chúng tôi sẽ gởi thư riêng và báo tặng đến địa chỉ của tác giả, bài nào không đáng xin miễn trả bản thảo.

Liên-Hoa mỗi kỳ nhiều nhất là đăng ba bài thơ, nhưng quý vị gởi thơ về quá nhiều, mong quý vị sáng tác văn xuôi gởi về để dễ đăng hơn. Rất trông.

Kính chào Tinh Tấn
L.H.N.S.

Thông - Bạch

của Hòa-Thượng Thích Khánh-Anh Thượng-Thủ Giáo-Hội
Tăng-già Toàn-Quốc đọc trong dịp Chư Tăng Tự-Tứ
Rằm tháng bảy năm Canh-tý Phật-Lịch 2504

Nam-Mô Bồn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính bạch quý liệt Vị

Hôm nay rằm tháng 7, ngày cứu khổ chúng sanh, ngày Phật hoan-hỷ và lễ xuất-hạ Thọ-tuế của Thập-phương Chúng-Tăng. Trong giờ phút nghiêm-tĩnh này, tôi trân-trọng gởi đến quý liệt Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng, Ni trong Giáo-Hội Tăng-Già toàn quốc lời chào mừng và tán-dương công đức quý vị ba tháng an-cư tu tập được viên-mãn.

Nhân dịp này, tôi kính lời ân-cần nhắc-nhở hai điều căn-bản mà toàn thể Tăng, Ni chúng ta không một giờ phút nào xao lãng là : « Kiên trì giới luật và hoằng-dương chánh-pháp ».

Nếu một vị Tăng, Ni, vi phạm giới luật, khiếm-khuyết oai nghi, không những cô phụ chí-nguyện xuất-gia của mình, mà còn giảm mất thanh danh của Giáo-hội, thương tổn rất nhiều đến giá trị của Đạo Phật.

Phật-pháp tuy cao siêu, là phương thuốc kỳ-diệu giải-thoát chúng sanh, nhưng không người tích-cực hoằng-dương, ma quân tà thuyết sẽ thừa thế tung-hoành, tham sân dục vọng do đó mà lan tràn khắp chốn khắp nơi, nhân loại chúng sanh vẫn sa mình trong tội lỗi lầm mê, muôn kiếp nghìn đời không thoát khỏi cảnh trầm luân...

Vì thế, tôi tha thiết mong quý vị tích-cực hoàn thành hai điếm trên, mặc dầu lâu nay quý vị đã cố-gắng nhiều, nhưng còn một vài vị chưa ý-thức rõ rệt nên còn khiếm-khuyết và lãnh-đạm, sau ngày Thọ-tuế này, quý vị đã thêm một tuổi đạo, — theo tinh-thần giới luật của Phật, — các vị hãy tinh-tấn hơn nữa trong việc «kiên-trì giới luật và hoằng-dương chánh-pháp», đề nói gót các bậc cao Tăng tiền bối, giới hạnh kiêm ưu như Quốc-Sư KHUÔNG-VIỆT, Thuyền-Sư VẠN-HẠNH, hầu chấn-hưng nền đạo-giáo cổ truyền, văn hồi cảnh thái-bình an-lạc cho xứ sở, như thời-đại Lý, Trần. Có như thế lễ Thọ-tuế hôm nay mới đầy đủ ý nghĩa và chúng ta mới xứng đáng được phần nào danh nghĩa Tăng bảo.

Thành kính cầu chư Phật gia hộ quý vị dưng mãn vô lượng.

NHƠN DỊP VU - LAN

LƯỢC BÀN CHỮ HIẾU

LIÊN - HOA

CÓ một quan-niệm sai lầm trong số quần chúng ít hiểu biết đạo Phật là: đi tu là bất hiếu. Có những câu ca dao nói lên quan-niệm sai lầm ấy như:

Lên chùa thấy Phật muốn tu.

Về nhà thấy mẹ công phu chưa đền.

hay:

Tu đâu cho bằng tu nhà,

Thờ cha kính mẹ, ấy là đi tu.

Người ta chống đối sự đi tu, vì cho rằng đi tu là không nghĩ đến cha mẹ nữa, là không phụng dưỡng cha mẹ nữa, nói chung là không làm tròn bổn phận của người con đối với cha mẹ.

Sở dĩ có quan-niệm sai lầm ấy, vì nhiều lý do. Lý do đầu tiên là người ta không hiểu gì về đạo Phật. Người ta không ngờ rằng trong kinh. Phật cũng có dạy về chữ Hiếu một cách rõ ràng, chẳng hạn như:

— « Điều thiện tối cao, không gì hơn hiếu; điều ác cùng cực, không gì hơn bất hiếu; gặp đời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật. Thờ Trời. Đất. Quý. Thần, không bằng có hiếu với cha mẹ ».

Trong 5 tội lớn nhất mà Đạo Phật gọi là « ngũ nghịch » có tội giết cha mẹ. Điều ấy rất dễ hiểu, vì một người đã phụ rẫy, phản bội, sát hại những kẻ đã hy sinh cho mình nhiều nhất, đã thương mình hơn ai hết, thì còn ai mà người ấy không phụ rẫy, phản bội, sát hại nữa? Cho nên hiếu với cha mẹ là một điều quan trọng mà Tôn-giáo nào có thể gọi được là Tôn giáo, đều khuyên dạy tín-đồ phải làm. Thật là một điều vô-lý, nếu Tôn-giáo nào dạy trái lại, nghĩa là bắt con cháu không phụng thờ cha mẹ, ông bà, mà lại phụng thờ kẻ khác. Đạo Phật không bao giờ có một giáo-điều như thế.

Lý do thứ hai làm cho một số người cho rằng đạo Phật không chú trọng đến chữ Hiếu, là ở chỗ họ đã quan-niệm chữ Hiếu một cách quá hẹp hòi, hình thức. Họ tưởng rằng có hiếu là nhất nhất phải làm theo sở thích của cha mẹ, mặc dù những sở thích ấy có nhiều khi rất trái là: cha mẹ đặt đâu con ngồi đó; là cung cấp đầy đủ miếng ăn thức mặc; là phải có con nối dõi tông đường (bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại); là phải làm tang to, giỗ lớn, vật ba bò bảy heo; là phải xây lăng đắp mộ cho kiên-cố, vĩ đại... Hiếu như thế là hiếu hình thức. Nhưng chỉ nghĩ đến cái hiếu hình thức ấy để che đậy cái trống rỗng trong nội dung, thì mới thật là bất hiếu.

Cái nội dung, điều quan trọng trong chữ Hiếu là phải làm sao cho mọi người chung quanh cảm mến, kính trọng cha mẹ mình; làm sao hành động của mình thấm lây đến cha mẹ, cha mẹ hành diện một cách hợp lý vì mình. Nói một cách tổng quát là phải làm sao gây được cho cha mẹ, trước tiên cái hạnh-phúc tinh-thần, thứ đến mới là hạnh-phúc vật-chất.

Cha mẹ biết suy nghĩ có bao giờ trách con cái không giàu có để cung phụng mình một cách sung túc đâu? Và

lại càng không muốn con cái vì mình mà mang công đồ nợ, cha mẹ chỉ đau khổ nhiều nhất là ở chỗ con cái đã đời xử với họ một cách tệ bạc, thiếu lễ-độ, thiếu yêu thương; đã có những hành động hèn hạ, xấu xa làm nhục lây đến họ.

Vậy điều thứ nhất trong sự hiểu đạo của người Phật-tử là đừng bao giờ làm cho cha mẹ phải đau khổ về tinh-thần.

Điều thứ hai là làm sao cho cha mẹ bỏ ác làm lành. Có bỏ ác làm lành mới mong giải-thoát được. Nếu người con chỉ lo cung phụng đầy đủ vật chất cho cha mẹ, mà không lo tạo những điều kiện thuận tiện để cha mẹ có thể giải-thoát trong đời sau, thì bao nhiêu sự cung phụng vật-chất cũng không cứu thoát cha mẹ khỏi cảnh sanh tử luân-hồi, hay thoát khỏi cảnh địa-ngục. Muốn đến con đường giải-thoát thì chỉ có một cách làm lành tránh dữ. Vậy con cái có hiếu với cha mẹ, thì luôn luôn phải tạo điều kiện để cha mẹ xa dần ác đạo, hướng dần đến con đường giải-thoát. Người con có hiếu là phải hồi hướng công-đức của mình cho cha mẹ.

Không có dịp nào thuận tiện hơn dịp VU-LAN để người Phật-tử tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ, và đền đáp công ơn dưỡng dục cao dày của song thân.

Ngày lễ VU-LAN thật là một ngày quý báu cho những người con có hiếu. Và ngày ấy cũng là một bằng chứng hùng hồn rằng: đạo Phật rất chú trọng đến Hiếu-đạo.

LIÊN-HOÀ

PHẬT - GIÁO LÀ GÌ ?

THÁI-KHÔNG THÍCH ĐỨC-NHUẬN

KHI muốn hiểu *Phật giáo là gì?* chúng ta hãy gạt mọi thiên kiến và chỉ cần hiểu sâu vào nguồn giáo-lý cội-điền ấy, một nền giáo-lý xây dựng trên Sự Thật để tìm hiểu sự thật mà vị giáo-chủ duy-nhất là Đức Phật THÍCH-CA MÂU-NI đã sáng-lập Phật-giáo. Theo dòng thời-gian biến chuyển: từ khi Phật-giáo truyền-bá trên trái đất, hẳn nó không sao tránh khỏi sự đồ nát và tiến-triển qua các triều đại hưng suy.

Do những sự-kiện ấy, ta có thể căn-cứ trên quan-điểm lịch-sử mà nhận xét: Dĩ nhiên, Phật-giáo cũng ảnh-hưởng vào hoàn-cảnh ấy với hình-thức có sự sai khác nhưng tinh-thần vẫn duy-nhất — *Phật-giáo là Phật-giáo* — ; dù trải mấy ngàn năm mưa nắng nhưng tinh-hoa vẫn là tinh-hoa của đạo « Từ-Bi » và « Trí-Tuệ », là ánh sáng chân-lý chiếu cõi trần-gian tăm-tối, khác nào như ánh nắng của vầng Thái-dương tỏa khắp chân trời quét sạch mọi tối-tăm, đau-khổ; mang vui tươi, xán-lạn, tin-tưởng, hy-vọng cho muôn loài.

Ở đây, trước hết ta hãy hiểu thế nào là Phật-giáo.

ĐỊNH-NGHĨA. —

PHẬT. — Đấng Sáng Suốt hoàn-toàn, đầy lòng Từ-bi, đức vị-tha, nếu nói cho đủ phải xưng là Phật-dà — Buddha —, gồm có ba nghĩa chính:

1. — Đức Phật từ chỗ mê mờ đã thoát ngoài sự mê mờ, không còn bị ràng buộc bởi nhân-duyên phiền-não sinh-tử. Nhưng sao gọi là Phật? — Chỉ là một danh-từ chung để tôn-kính đối với những bậc đã

hoàn-toàn giác-ngộ — *Người Phật: Manussabuddha* —, là Người cầm đuốc soi sáng cho đoàn người sau.

Đức Phật, Ngài đã dạy :

« Tất cả chúng sinh đều có Phật-tính và sẽ thành Phật trong mai sau.

Bởi lý pháp-thân bình-đẳng ».

2.— Đức Phật từ chỗ tự-giác tiến lên địa-vị giác-tha, vì hiểu rằng : Chúng-sinh và Phật đồng một bản-thể nhịp nhàng không hơn không kém. Đức Phật khuyên chúng ta :

« Hãy bỏ tất cả để mà được tất cả ».

Ngài lại dạy :

« Tôi chỉ là vị Phật đã thành, có nhiệm-vụ khai-thị Phật-tính cố-hữu của các người. Kể nào phát-huy được Phật-tính ấy tức sẽ thành Phật ».

3.— « Phúc-đức » và « Trí-tuệ » của Đức Phật đều được viên-mãn.

Địa-vị của Đức Phật là địa-vị 'độc-tôn : **VÔ-THƯỢNG CHÍNH-ĐẲNG CHÍNH-GIÁC** — *Amrtara Samyach Sambodhi*.

Ta có thể tổng-quát cả ba ý-nghĩa ấy mà nói rằng : Đức Phật là đấng Giác-Ngộ thấu triệt nguồn gốc của vũ-trụ nhân-sinh, dứt sạch mê lầm ; *phúc, trí* trang-nghiêm, muốn hạnh đầy đủ. Và vì thế, người đời đã tôn sùng Đức Phật là một vị thánh độc tôn trên các thánh.

Phật-đà, hiện thân của ánh sáng Chân-lý !

GIÁO.— Những lời giáo-huấn do chính Đức Phật đã giác-ngộ và thuyết-minh.

Giáo-lý ấy gồm đủ mọi công-năng phương-pháp, từ lý-thuyết đến thực-hành, một *Đạo-học vạn-năng*, mục-dịch truyền dạy và hướng-dẫn chúng-sinh trên đường về thực-tại : *cứu-kính giải-thoát*.

Phật-giáo là kho tàng quý giá, một sự thật trăm phần trăm rõ-ràng.

Chúng ta không thể bỏ qua. Nếu tự đặt mình vào địa vị khách-quan, để tìm hiểu *Sự-Thật*, càng không nên hời hợt với công việc của mình làm, phải tận lực và đầy công nghiên-cứu mới mong có kết quả toàn-mỹ. Vì lẽ, Phật-giáo có những 84.000 pháp-môn vi-diệu chứa đầy nhựa sống. Giáo-lý ấy gồm hai phương-diện : « Tình-cảm » và « Lý-trí ». Nhà triết-học DESCARTES nói : « Có trí óc minh-mẫn chưa đủ, nguyên-tắc chính phải biết áp-dụng nó một cách thật khéo léo tế nhị ». Chúng ta đừng tìm hiểu đâu xa lạ. *Chân-lý* ở quanh bên ta, nhưng thực ra, chúng ta còn phải vâng theo lời Phật dạy, biết hướng về *lẽ phải*, nhận chân sự vật một cách đúng đắn.

« Các kinh sách của Phật-giáo dồi dào ngoài sức tưởng-tượng : đấy là một cơ sở văn-chương đứng bậc nhất trên hoàn-cầu về hết thảy phương-diện triết-lý, thi-ca, số-lượng... »

Hiện nay, trên thế-giới chưa một triết-gia, khoa-học, tôn-giáo, chủ-nghĩa nào đã phát-minh và để lại cho nhân-loại với con số ví-dại « *Đạt-tạng kinh-điền*, » một kho tàng quý giá như Phật-giáo — *Tất cả thế-gian pháp không ngoài Phật-pháp* — Giáo-lý Phật-giáo là ở đó, nhưng có điều giáo-lý ấy khác nào như ngón tay để chỉ ánh sáng của mặt trăng. — *Chân-lý* — là chiếc bè đưa người qua « bến mê tới bờ giác ». Nghĩa là từ chỗ mê mờ tiến lên *Vô-thượng-giác*.

NHỮNG NÉT CHÍNH TRONG PHẬT-GIÁO

Một trong các vị Phật ra đời là Đức THÍCH-CA MẬU-NI, cách đây 2.584 năm, Phật-giáo khởi thủy từ Ấn-độ rồi lan toàn thế-giới, với những triết-lý thâm-sâu : văn-chương, chính-trị, tôn-giáo, triết-học, đạo-đức, luân-lý, tâm-lý, nghệ-thuật và khoa-học v.v... không một môn học nào Đức Phật không nói ; là phương-pháp mà hết thảy chúng-sinh đều tập-tiền để tiến đến *giác-ngộ* và *giải-thoát*, nên cũng nói : Phật-giáo, đạo của mọi người, muôn loài, với những giáo-lý :

- 1.) — Mở rộng cõi lòng...
- 2.) — Đưa người tới ánh sáng *Chân-lý*.
- 3.) — Xây dựng một xã-hội : công bằng và hạnh-phúc.

1.— MỞ RỘNG CỐI LÒNG . . .

Mỗi hiện-tượng của vũ-trụ đều có tính-cách tương-quan mật-thiết nhau. Sở dĩ, cớ sự riêng biệt do sự cố-chấp của từng cá thể, gọi theo danh-từ Phật-giáo là « chấp-ngã », bẻ vào « vô-ngã-pháp », Phật-giáo khuyên ta : mở rộng lòng mình cho mọi người hiểu đừng bao giờ khép kín tâm-tư lại và sẵn sàng đón lấy nhân-dạo, từ-bi, quên đi những cái « Ta » nhỏ hẹp để được yêu vũ-trụ rộng lớn, vì chính cái ta gọi là « Ta », nó không có thực-thể, rồi cứ nhận lầm cái « ta » ấy là thực mà không nhận được cái « Ta » chân-thiện trong pháp giới bao la ; thì tránh sao chúng-sinh không làm trái với luật tương-quan giữa sự-vật ; cũng vì thế, tất cả khổ đau dồn dập bị gây nhiều ác-nhân thêm.

Trang - Tử nói :

« Thiên địa dữ ngã tịnh - sinh, vạn - vật dữ ngã vi nhất : Trời đất với ta cùng sống, vạn-vật với ta là một thể. »

Trong kinh *Upanishad* cũng nói về « cái ta » hòa - diệu của vũ-trụ :

« Cái Bản-Ngã vô biên của Nhân-loại chỉ có thể thành-tựu ở trong một hòa-diệu vĩ-dại của tất cả dân-tộc và chủng-tộc. » (1)

Nhưng làm thế nào để có thể quên đi được cái « ta bé-nhỏ » kia, hòa-diệu với cái « ta rộng lớn » của toàn-thể vũ-trụ vô biên ? Một quan-niệm chính xác, theo Phật-giáo :

« Cái « ta » cần phải diệt trừ để nhập vào bản-thể chung cùng rộng rãi mà nó chỉ là một phần-tư. Chúng ta là một bộ phận trong toàn-thể « nhịp nhàng. Nguyên-nhân chính của đau khổ không phải vì sống ở trên « đời này, mà chính là vì một sự nhận-thức nông cạn lầm-lạc của chúng ta đối với đời sống. Chúng ta cần phải cởi bỏ mọi tư-tưởng ích-kỷ, « gột sạch tư-tưởng của một cái « ta » và có vậy, chúng ta mới thực-« nhận mọi nỗi vui sướng tràn ngập tâm-hồn rộng lớn vô biên, một hạnh-« phúc vĩnh-cửu chỉ sống mạnh trong một tâm-hồn giải-thoát, và những « tâm-hồn giải-thoát chỉ có thực-hiện một khi cá-nhân chịu nhường bước ».

« Thân người được khỏe mạnh là nhờ ở sự quân-bình của « lục-phủ « ngũ-tạng ». Trong vũ-trụ đều được điều-hòa, được quân-bình, thì chúng

(1) Lịch-sử triết-học Đông-phương, trang 13.

« ta có thể nói được đó là cảnh-giới tuyệt - đối. Một bản-ngã đứng tách
« riêng ra ngoài vũ-trụ tức làm cho vũ-trụ mất sự quân-bình. Một bộ-
« phận của thân-thể đau làm mất sự quân-bình của toàn-thể, mất sự quân-
« bình thì không còn sức khỏe, ngộ-nhận một cái « Ta » riêng biệt tức
« là tạo một ung độc trong thân-thể vũ-trụ ». (2)

Bởi nhận định như vậy, nên việc khuyên người mở rộng cõi lòng
nhận toàn-thể là mình, đây là công việc trước tiên của Phật-giáo.

2. — ĐƯA NGƯỜI TỚI ÁNH SÁNG CHÂN-LÝ.

**« Hết thấy sự vật tồn tại, hình bóng thuở xa xưa
thế nào đều rõ ràng thế ấy, và sự-thật thế nào lại hoàn
như thế ! »**

*Con Người là tối thắng, vì có thể thực-hiện được tất cả sự
tốt đẹp.* (3) Bởi vậy, Phật-giáo hướng-dẫn con người nhận chân giá-trị
của mình : hiểu biết vũ-trụ không ngoài luật tương-quan sinh-tồn (lý nhân-
duyên-sinh). Phật-giáo phủ-nhận : Tâm có trước vật (phái Duy-tâm) hay
vật có trước tâm (phái Duy-vật) — Theo Phật-giáo ; Tâm và Vật đều
phải song hành. Vì tâm là Tâm của vật và vật là Vật của Tâm. Ta
hãy dừng lại nơi đây, đem ra những câu hỏi và đề trả lời cho nghi-
vấn ấy. Nếu nói : « Tâm có trước vật », vậy tâm ấy ở chỗ nào ? Nương
vào đâu ? và phát sinh bằng điều kiện gì ? — Còn nói « vật có trước
tâm » lại càng vô lý. Bởi vì vật (vật-chất) thuộc loại vô-tri như khoáng-
vật, thực-vật không thể nào biết phân tách đây là vật kia là tâm ? —
Cái tâm (tinh-thần) hiểu biết ấy phải nương vào thể chất mà tồn tại
nhưng nó không lệ-thuộc vào vật-chất, trái lại, nó có thể điều động chỉ-
huy tất cả. *Viên đá lửa vì sẵn có tính lửa nên khi ta bật thấy lửa
phát hiện.* Cũng thế, Phật-giáo chủ-trương : « Lý nhân-duyên-sinh »
không thiên tâm không ngã vật.

Ở đời chẳng có chi là đơn độc cả, mặt trời mọc, hoa nở,
chim ca đều ảnh-hưởng mật-thiết đến sự « Sống » bằng trực-tiếp hay gián-
tiếp, chẳng qua do cái này làm nhân làm duyên cho cái kia đề rồi phát
sinh hiện-tượng-giới. Sở dĩ vạn-vật trong vũ-trụ có ra chi là một tràng
nhân quả nối tiếp nhau từ vô thì đến vô chung . . .

(2) La Pensée Bouddhique.

(3) Nhân thị tối thắng, năng sinh nhất thiết chư thiện pháp cố. — Kinh Hoa-Nghiêm.

« Sự thật thì vật gì ở giữa đời cũng duyên với nhau cả. Từ nguyên-tử nhỏ nhiệm đến các tinh-tú xa xăm, đều có sự tương-quan, liên-lạc với nhau. Chính Đức Phật đã dạy như vậy ».

Đối với thực - tại không luận bàn - thể hay hiện - tượng, Đức Phật biết thế nào nói đúng như thế, ba đời các Đức Phật cũng đều nói như vậy (Như tam-thế chư Phật, thuyết pháp chi nghi-thức, Ngã kim diệt như thị, thuyết vô phân biệt pháp — Kinh PHÁP-HOÀ, phẩm Phương-Tiện). Chẳng hạn Đức Phật nói trong vũ-trụ có rất nhiều Thái-dương-hệ (thế-giới) hay trong một bát nước có vô số vi - trùng, ngày nay nhà khoa - học chế ra ống viễn - vọng (téléscope) hay kính hiển - vi điện - tử (microscope électronique), người ta biết rằng: Mỗi vì sao là một thế-giới hay trong một bát nước có rất nhiều vi-trùng. Thật quả như lời Đức Phật đã dạy. Ngài còn cho chúng ta biết thêm rằng: vũ-trụ vạn-hữu đều chuyển dịch vô - thường. Đứng về phương - diện người mà nói thì; Phật là đứng đã thành-tựu một nhân-cách tối cao, sau khi thể-nhập với toàn thể vũ-trụ (S'identifier avec l'infini). Đức Phật chỉ là một vị giáo-chủ siêu-việt có những đặc-điểm siêu-việt hơn các vị giáo-chủ khác mà thôi. Thật ra Đức Phật không kiêu-hãnh tự bảo mình là đấng Tạo-hóa sinh ra muôn vật và cha cả muôn loài. Đặc-biệt hơn, sau khi thành Đạo, Đức Phật đã tuyên-bố những câu danh thép:

**Tôi là Phật đã thành,
Các người là Phật sẽ thành.»**

(Je suis un bouddha

Vous serez des bouddhas dans l'avenir)

« Tất cả chúng-sinh đều có Phật-tính. » những câu như vậy có nói trong khắp kinh-diễn Đại-thừa Phật-giáo.

Chỉ ngần ấy, đủ chứng-minh giá-trị tìm hiểu trong Phật-giáo: đem lại cho con người một hiểu biết chân chính trong lẽ sống thanh cao, là ánh sáng chói ngời soi sáng cho những ai lầm-lạc bờ-ngõ chưa biết đến.

Trước tình-cảnh toi-bởi của văn-minh cơ-giới, không thể nào ngăn nôi lòng hiếu-thắng, ích-kỷ của con người và còn định xô đẩy nhau đến tận cùng tang tóc . . .

Bác-sĩ John FRANÇOIS, một người giàu lòng nhân-loại đã than-vãn:

« Nguồn gốc thảm họa chiến-tranh là sự tham vọng danh lợi quá nặng nề của nhân-loại. Nếu một ngày kia, Phật-giáo được phổ-cập khắp thế-giới thì nhân-loại được hòa-bình an-lạc.»

Phật-giáo quả là một đạo giáo xây trên nguyên-tắc của « Trí-tuệ » và « Từ-bi », là nguồn sáng cho hết thảy . . .

3. — XÂY DỰNG MỘT XÃ-HỘI CÔNG-BẰNG VÀ ANH-PHÚC

Phật-giáo là Nguồn Sống của mọi sự sống ở đời nên khi ta nhận chân được lẽ sống ấy và thực-tiến, thì đây, có thể nói Phật-giáo đã là nền tảng của hòa-bình hạnh-phúc. Chúng tôi vẫn biết: nói không chưa đủ, còn phải làm. Nhưng sự làm ấy phần lớn nhờ ở con người — con người là chủ-động của mọi vấn-đề, là then chốt, mà chìa khóa mở cửa Niết-bàn vẫn sẵn có trong tay con người. Bởi thế, Phật-giáo lấy việc đào tạo con người là bổn phận nên làm, cần làm và phải làm trong mọi thời-đại, không phân màu da, chủng loại. Phật-tử chúng ta hãy vinh-dự đón lấy nghĩa-cử cao cả ấy.

Nhưng trên nguyên-tắc xây dựng một xã-hội lành mạnh, chúng ta phải thực-kết những đặc-điểm :

A. — ĐẠO-ĐỨC THUẦN-TÚY.

« **Hiểu tất cả mới khoan-dung** ».

« **Đại-lượng là sự sống, nhỏ nhen là sự chết.**

Tình thương là đại-lượng, ích-kỷ là nhỏ nhen ». (1)

Hãy tỏ ra mình có đức-hạnh, can-dảm và hết lòng. Cố gắng thương yêu mọi người. Nhớ rằng : giá-trị đạo-đức biểu-hiệu của một sức sống vươn lên... Phật-giáo luôn luôn khuyên người *thực hành đạo - đức bằng Từ-Bi Hỷ-Xả*, áp dụng trong mọi phương-diện làm việc giúp ích cho đời : đem lại sự thăng bằng đã mất trả về cho toàn-thê. Đạo đức đối với người ta càng cần-thiết bao nhiêu, cũng ngang với giá ấy sự sục sạo sẽ mang lại cho con người một giá đắt rẻ không kém phần quan-trọng ; nếu con người không biết áp dụng nó trong công việc của mình làm. « *Một ân-nghĩa bố cáo ra nhiều làm mất vẻ đẹp của nó* ». Nhà triết-học ARISTOTE nói : « Một

(1) Vivekananda.

hành-vi nhân-đức không đủ làm thành đức cũng như một con én không đủ làm thành mùa xuân ». Thế nên nhận một sự đạo-đức chân chính tưởng không phải là dễ. Hai người cùng làm một việc nghĩa, một người chỉ biết làm với bồn-phận và hết lòng; người khác trái lại họ làm để cầu một tiếng khen của những người chung quanh hoặc vì danh, vì lợi mà làm. Khác nào « một trái cây bề ngoài đẹp mà hư trong ruột, hình dung một tâm-hồn xấu xa dưới một hình-thức đẹp đẽ », Phật-giáo không dung thứ những hạng người như vậy. Công việc của Phật-giáo làm là làm với lẽ phải, điều hay, thuận thời, hợp chính-đạo, tuyệt nhiên không mong cầu thù-đáp. Trái với lý ấy tức còn quanh quẩn trong vòng tương-đối, bởi chúng tránh tầm thường lại rơi vào tầm thường. Phật-giáo tối kỵ những gì ăn mòn đạo-đức trá hình.

B. — ĐỊA-VỊ TRÍ-THỨC

« Khi ta phán-đoán tội vàng thì ta thường phán-đoán sai lầm ».

Phật-giáo khuyên người về gần với thực-tại (le réel); vượt mê-làm tìm sự hiểu biết rõ ràng, cùng khắp... đối với sự vật của các pháp như « trực-tiếp với ban đêm thì biết tối, ban ngày biết sáng, rờ lửa biết nóng, rờ tuyết biết lạnh... »; đồng thời, dựa theo lý-trí và kinh-nghiệm của các Đức Phật trước đã đi và thấu đạt để tự nhận-thức sự vật một cách đúng đắn.

« Tất cả phẩm-giá con người là nơi tư-tưởng ». (2)

Phật-giáo không những đã xác-nhận còn vạch rõ phương-pháp thích đáng đáng tiêu hủy tất cả mờ ám xấu xa của kiếp người, đưa mọi loài về với ánh sáng chân-lý Phật-đà.

C. — GIÁ-TRỊ THỰC-TIẾN.

« Tất cả sự-vật đã phát-triển từ nguồn sống bất tuyệt và đều do nguồn sống làm linh-động, bởi vì nguồn sống thì vô cùng vô tận ».

Phật-giáo cho ta một giá-trị thực-tiến, bình-dẳng giữa Phật và chúng sinh, một sự-thật triệt-đề và cứu-kính: ai ai cũng có thể giác-ngộ như

(2) Pascal.

Phật nếu biết thực hành theo lời *Phật* dạy. Cho nên giá-trị trong *Phật*-giáo lấy người làm trung-tâm cho mọi vấn-đề, đồng thời, tôn trọng sự sống, quyền sống của hết thảy.

« . . . Những tổ-chức gì ở đời này lại không tôn-trọng sự sống? Chỉ khác ở chỗ đồng mục-dịch ấy mà *Phật*-giáo phụng-sự sự sống triệt-đề, còn các tổ-chức khác đã xâm-phạm tới sự sống; lịch-sử quá khứ, xã-hội hiện-tại và xu-thế tương-lai của loài người chứng-minh điều ấy ». (1)

Chỉ có thái-độ rộng rãi ấy mới là giá-trị chân-chính tuyệt-đối.

— « Hãy nên hy-sinh đời ta cho những hành-động và cảm-tình đáng quý, những tư-tưởng cao thượng, những tình-thương chân-thật, và những sự-nghiệp lớn lao. » (2).

Con người với tất cả ý-nghĩa của nó — trên tất cả giá-trị thực-tiến là ở đó.

D. — PHƯƠNG DIỆN LUÂN-LÝ.

« **AI biết sửa đổi lỗi lầm, người ấy được tiến-hóa trong giáo-pháp của Như-Lai** ». (Kinh DIGHA NIKAYA)

Nhà đạo-sĩ trú-danh VIVEKANANDA nói :

« Người chỉ xứng với danh nghĩa con người chừng nào người tranh-dấu để thắng thiên-nhiên, cả nội-giới và ngoại-giới. Chinh-phục ngoại-giới là một công-trình vĩ-đại, nhưng chinh-phục được nội-giới còn vĩ-đại hơn. Hiểu được định-luật chi phối các vị Sao và các hành-tinh là một điều hay, nhưng hiểu được những định-luật chi-phối những tham-vọng, tình-cảm và ý-chí của loài người còn hay và khó gặp bội phần ».

Với phương-diện luân-lý, *Phật*-giáo dẫn ta từ đau khổ đến sung-sướng an vui, từ mê-lầm đến hiểu biết chân chính.

— « Luân-lý là cuốn sách tốt nhất của ta. Một cuốn sách mà ta tra cứu đến luôn » (3).

Với luật nhân quả, lẽ thích tồn, nhận thấy toàn-thể sinh-linh đều chung cùng một Bản-Thể nhập-nhàng — không hơn không kém — ; *Phật*-

(1) Viên-âm số 86, trang 9.

(2) Dale Carnegie.

(3) Pascal.

giáo rất sẵn sàng làm việc giúp ích cho đời, vì hiểu rằng làm lành được sung-sướng, làm ác chịu khổ sở. Nhân nào quả ấy, hành-ết đã ở chúng ta thì kết quả cũng ở chúng ta.

— Nhằm những điểm trên, dựa vào thật-tại, Phật-giáo dạy người thực hành luân-lý với đạo-đức, nhân-nghĩa hiện-hành, ăn nhịp với cá-tính con người không bao giờ cục hạn ở thời-gian hay phương-sở nào có thể hoán-cải được.

— Phạm-hạnh nào tương-lai ấy.

E. — CÚU KÍNH THỰC-HÀNH.

«... Giống như những đóa hoa tươi đẹp nhưng vô hương, là những lời nói văn hoa của những người không bao giờ thực-hành đúng lời nói». (Kinh DHAMMAPADA)

* Mỗi người đều có một phần gánh vác trong cái cảnh khốn khổ của nhân-loại * Y vào sự-thật và phương-pháp mà Đức Phật đã chứng-ngộ đề nghị-nhàng với mọi hoạt-động, Phật-giáo khuyên mỗi người thực-hành đặc-điểm dưới đây:

— Vì lòng thương yêu không bờ bến với sự cứu khổ khắp cả — Lòng vị tha.

— Nhận chân lẽ biến hóa vô-thường trong trời đất nhưng bình - đẳng coi hết thấy chúng - sinh là một, « không hai cũng không khác » — Trí sáng suốt.

Với giáo-lý trên, vì nghĩa « lợi-tha » thấy toàn thể chúng-sanh trong pháp giới đương quần quại đau thương lẽ dĩ nhiên mình còn đau khổ... là Phật-tử có nhiệm-vụ cứu mình, giúp người. Biết rằng: Phật-giáo là đạo cứu khổ cho tất cả, người Phật-tử càng hăng hái trên đường hành-đạo làm lợi ích cho chúng-sinh mà mục-dích chính: Xây lầu đài Hạnh-Phúc trên cơ sở thực-tiến. Vậy hạnh-phúc là gì? Là trạng-thái vượt khỏi sai lầm, không bị ràng buộc bởi phiền não và đau khổ; thế nhập với toàn-thể vũ-trụ không-gian vô-biên... thời-gian vô-tận... ra ngoài những cảnh sinh diệt và tương đối; ấy là nói về phương-diện tuyệt-đối.

— Với nhân-sinh, Phật-giáo xây dựng cõi Tịnh-độ giữa nhân-gian, diệt những bản-ngã nhỏ bé, vị-kỳ...

« Chẳng có hạnh-phúc nào lớn bằng sự yên tĩnh của tâm-trí. »

Kinh Dhammapadā — Pháp-Cú.

Như vậy, ta thấy rõ ràng : Phật-giáo là nơi phát-sinh hạnh-phúc chân-chính cho cá-nhân, gia-đình quốc-gia và xã-hội... ; hạnh-phúc cuộc đời ta thấy quá bấp bênh vì nhân quang ta bị co chùn bởi một vài tia nắng gay gắt..

Thật thế,

Hòa-bình không phải chỉ ở trong các hiệp-ước. Hòa-bình, Văn-minh nói chung, tiến-bộ có thể xem là phải ; phát-xuất từ trái tim, của mỗi người.

Ở đây, có thể tự-hào : Phật-giáo là nơi đã đào-tạo những trái tim khối óc của những con người toàn vẹn qua bao nhiêu thế-hệ.

Thiết-tưởng, nếu mọi người đều biết áp-dụng Phật-pháp trong đời sống hằng ngày lo gì hạnh-phúc chân-thật không đến với những ai còn đau khổ, mà thế-giới lại chẳng là một cảnh Cực-lạc ?

— Ngoài Phật-giáo, chúng ta tìm đâu những kết quả tốt đẹp ấy.

PHẬT-GIÁO NGUỒN SỐNG VÔ TẬN...

Đạo Phật, tượng-trưng cho nguồn sống của một lý-thuyết cao siêu là tinh-hoa trong toàn bộ triết học Phật-giáo, bao gồm trong một chữ « Pháp ». Chữ này với nghĩa « vạn sự vạn vật » (tức Nhất-thiết-pháp), là một lý-luận, một quan-niệm về lẽ sống của mọi sự sống trong muôn loài. Pháp-nhĩ-như-thị, muôn vàn sự vật bản lai như vậy. Cái lẽ sống ấy là « vô ngã », nhận toàn thể vũ-trụ vạn-hữu — trong đó có người — cùng nhịp nhàng chung sống trong một Bản-thể vô biên.

« Đạo tức là đời, làm nguồn sống của mọi sự sống... mà nơi đây, ta có thể hình-dung bằng những danh-từ, trạng-từ, như : « THƯỜNG » (chân-thường, vĩnh-viễn) ; « LẠC » (an-vui, giải thoát) ; « NGÃ » (tự-chủ, tự do, tự-tại) ; « TĨNH » (trong sạch sáng suốt hoàn toàn) ; hoặc bằng những hình ảnh Ánh-đạo-vàng rực rỡ, như bông sen nở giữa đầm nhưng hương thơm vẫn tỏa khắp nơi... »

Đã xa rồi, đêm tối của trần-gian, đêm không trăng sao nhưng kia một tia sáng chiếu khắp muôn loài, con đường đen tối lui dần vào dĩ-vãng để nhường cho : Ánh-sáng đạo huy-hoàng xuất-hiện.

— Giáo-lý của Đạo Phật dạy cho chúng-sinh biết sống đúng theo tinh-thần « TỬ-BI VI-THA ».



Nói tóm lại, Phật-giáo là một giáo-lý đủ phương-thức giải-thoát cho chúng-sinh hết mê-lắm đau-khổ đặng tự-tại an-vui. — *Một Đạo tôn-trọng lý-trí của người và quyền sống của hết thảy.* — Cho nên, Phật-giáo đến đâu là được quần chúng hoan-nghinh tin-tưởng. Cũng như vầng thái-dương chiếu tự trên cao không một nơi nào không có ánh sáng.

— Phật-giáo là Chơn-lý.

« Phật-giáo không phải « cố-cựu » cũng không phải « canh-tân », nó chỉ là phương thuốc điều trị mọi tâm bệnh. Nghĩa là, tùy theo trình-độ căn-cơ của chúng-sinh mà nói pháp. — Bất cứ làm việc gì hễ lợi mình lợi người đấy là Phật-giáo. »

« Phật-giáo đâu phải là phản tiến-hóa đi ngược trào-lưu làm hèn yếu nhân-tâm như những hạng người nhìn Phật-giáo bằng cặp kính màu với một nhận-thức dưới nhiều danh-từ phản-hóa sai lầm, cho Phật-giáo « bỏ ngoài cả thời-đại suy-đổi và pháỉ tiêu-cực . . . »

— Không.

Đối với vạn loại chúng-sinh dưới con mắt Phật-giáo không có chi lạ. Vì, Phật-giáo nhìn đời một cách thấu đáo cho nên quan-niệm của Phật-giáo có hai điều :

- Đức Phật là người cầm đuốc dẫn đường, bậc đạo-sư muôn thuở ;
- Giáo-lý Phật-giáo dạy cho chúng-sinh giác ngộ Sự-Thật để nhip nhàng sống với Bản-thê vô biên diệu-dụng.

Lý - do. —

— « *Phật-pháp là tất cả* » — bao la gồm lại một diêm : « PHẬT »
— *Chơn-lý* — « *Tất cả là Phật-pháp* » — một diêm tỏa rộng khắp pháp giới bao la : « GIÁO » — *phương-pháp đạt tới Chơn-lý.*

Đấy là những Tinh-Hoa trong toàn bộ giáo-diễn *Phật-giáo.*

Xin dâng ai muốn hiểu *Phật-giáo* là gì.

NGUỒN vui không thể nói năng:
Khắp nơi tự-tứ Chu-Tăng nhẹ nhàng,
Hôm nay, ngày của hân hoan.
Gió mây gọi lại mấy ngàn thu xưa,



Ngàn xưa cho đến bây giờ.
Mười phương hoan-hỷ, hồn thơ vô cùng,
Cuộc đời vô thỉ vô chung,
Hôm nay là cảnh thung-dung muôn vàn...



Làm sao giải-nghĩa Vu-Lan?
Khi tâm thanh-tịnh ngập tràn Chu-Tăng,
Khi trời sáng tỏ ngàn trăng.
Khi niềm hoan-hỷ Phật hằng chờ mong?



Thuyền xưa về với bến trong,
Chín mươi ngày tịnh xuôi dòng thời gian.
Bao nhiêu nghiệp chướng tiêu tan,
Bóng trắng chiếu sáng mệnh mạng lòng thuyền.



Giờ đây, nhớ Đức Mục-Liên,
Ai không hoài-vọng mẹ hiền xa xăm...

Vu-Lan đến giữa trăng rằm,
Với niềm hiếu-hạnh tháng năm không mòn.



Đợi Dương: tình mẹ ấp con;
Không gian: mền chiếu gói tròn mẩn thương.
Bao la lòng mẹ không lường,
Đầy mùa hiếu-hạnh ngát hương ba đời.



Đâu đây chuông nhẹ nhàng rơi,
Nghe trong gió thoảng những lời người xưa,
Vô cùng vũ-trụ bơ vơ.
Với ngày hoan-hỷ đợi chờ thiên-thâu,



Vu-Lan về với nguyện cầu.
Chư-Tăng «giải-hạ» in sâu thắm nhuần,
Quay cuồng theo bánh xa-luân.
Thiên-liêng là phút xả thân nhiệm màu,



Thời gian trôi mãi về đâu.
Mỗi năm tự-tứ nào sâu với ngay,
Ngàn xưa còn lại một ngày:
Phật-Hoan-Hỷ-Nhật là ngày hôm nay.

VI. — Sinh-hoạt của

ZEN

«Tô-Su dạy chúng tôi rằng : Đạo-lưu Phật-pháp là ở chỗ vô-công - dụng địa. Tất cả cử-động nhật-dụng bình-thường như ăn cơm, mặc áo v. v... tất cả đều là Thuyền. Người ngu sẽ cười ta, nhưng kẻ trí sẽ hiểu ngộ. Cô-nhân nói : Hướng ngoại mà tìm cầu, tất cả đều là ngoan si. Hướng nội mà tùy-xử tiện-nghỉ, tất cả đều là chân thật».

LÂM-TẾ-LỤC. THỊ-CHUNG

SINH-HOẠT chân-thật tức là phải hiểu rõ sự hư ngụy mâu-thuẫn của cuộc đời. Muốn đi sâu vào sinh-hoạt ấy, sự xét-nghiệm, phê-phán và tự-giác là một việc rất cần thiết. Tôn-giáo ra đời là nhằm đến mục-dịch này. Mục-dịch đưa người đến chỗ hiểu rõ thế nào là chân, thế nào là ngụy. Rồi từ sự hiểu rõ chân ngụy ấy, đi đến thái độ bỏ ngụy tìm chân. Đây là tôn-giáo. Vì thế ông Windelband đã nói: «Tôn-giáo là phương-pháp đưa người đến đời sống siêu-việt. Đời sống ấy phải là đời sống vượt ra ngoài những kinh-nghiệm tầm thường và chứng nhập vào thế giới sâu kín của nội tâm». Tôn-giáo của ông Windelband nói ở đây là chỉ cho Phật-giáo, cũng là chỉ cho Zen.

Thật vậy, Phật-pháp là phương-pháp chỉ dẫn cho người hiểu rõ những hư ngụy giả dối của cuộc đời và đoạn trừ những tư-dục ngã-chấp. Vì mê mờ và ngã-chấp, nên chúng

Tìm hiểu phái Zen ở Nhật đã đăng :

- Số 4 - Phái Zen ở Nhật
- Số 5 - Phương-pháp thực hành của Zen
- Số 6 - Thuyết lý của Zen
- Số 7 - Sinh hoạt của Zen

sanh mãi sống trong cuộc đời «túy sanh mộng tử», và như thế cuộc đời sẽ trở thành vô nghĩa, vô giá-trị. Chính chúng sanh tự đào huyệt, rồi tự chôn mình trong mê mờ và đau khổ là do nguyên-nhân này. Đức Phật cũng là một người như chúng ta, nhưng ngài đã hiểu rõ sự hư nguy giả dối của cuộc đời, vì thế ngài đã bỏ vương vị, xa lìa ân-ái vợ con, đi xuất-gia, tu-hành khổ-hạnh, rồi cuối cùng chứng ngộ được đạo-quả chân-thật.

Đức Thích-Tôn đã dạy cho chúng ta những gì trong cuộc đời lịch sử của Ngài? — Chính Ngài đã dạy cho ta hiểu rõ: Nguyên-nhân của mê mờ đau khổ là tư-dục ngã-chấp. Nhưng cũng chính nơi tư-dục ngã-chấp ấy, nếu biết chuyển hướng, tự-giác và canh-tân thì có thể thực hiện được những quả-vị Niết-bàn, giác-ngộ. Zen bao giờ cũng chủ-trương ở chỗ đại-ngộ là vì đức Thích-Tôn người khai sáng ra Zen, sau 6 năm khổ-hạnh, Ngài đã ngồi tọa thiền dưới gốc cây bồ-đề và đã nhất-đồ minh-tinh, hoát-nhiên đại-ngộ.

Trong Phật-giáo có dạy rất nhiều về phương-pháp để đi đến chỗ đại-ngộ này, nhưng phương-pháp chính, có thể nói là phương-pháp tu tập thiền-dịnh, đoạn trừ tư-dục ngã-chấp, đưa mình và người đến chỗ chân-thật giác-ngộ. Thuật-ngữ «tự-giác, giác-tha» của Phật-giáo là chỉ cho phương-pháp này, nhưng đồng thời cũng chỉ cho nhân-cách hoàn toàn, nhất thể đại-ngộ của phái Zen vậy.

Theo thuyết-lý của phái Zen thì tu hành không phải là thực hành những điều khổ-hạnh, cũng không phải chú trọng nơi những hành-nghi siêu-nhiên, mà chính là căn cứ nơi những việc làm trong nhật dụng bình thường. Ngài Hương-Nghiêm Trí-Nhân trong khi quét sân, nghe tiếng rơi vào bụi của viên đá nhỏ mà được ngộ đạo; Ngài Linh-Vân Chí-Căn trong khi nhìn đóa hoa đào nở buổi sáng mà trực nhận được đạo-lý chân thường v.v... (1) Đó là những chứng-minh cho thuyết lý: Tức

(1) Ngài Hương-Nghiêm Trí-Nhân và Linh-Vân Chí-Căn là hai vị đệ tử của Ngài Qui-Sơn Linh-Hựu. Câu chuyện ngộ đạo này có chép trong bộ Cảnh-đức Truyền đăng truyện và Truyền-dăng quyền thứ 11.

nơi những công việc trong sanh hoạt hằng ngày mà ngộ đạo. Đồng thời trong sự ngộ đạo này cũng biểu-thị cho chúng ta hiểu ý nghĩa «khế cơ» (tùy theo căn cơ mà ngộ đạo của Phật-giáo.

Theo Zen, ngộ đạo tức là ngộ-nhập chân-lý, chứng-đắc pháp-tánh (2). Chân-lý pháp-tánh ấy không phải ngoài các công việc trong nhật dụng bình thường, cũng không phải ngoài bản thân hiện hữu của chúng ta mà có. Vì thế chứng-nhập chân-lý pháp-tánh, tức là thấu triệt tự tâm, ngộ-nhập bản thể của vạn pháp. Vì thế danh-từ đại-ngộ của Zen thường chỉ cho khả năng «kiến tánh», hoặc là «tác Phật». Kiến tánh và tác Phật ở đây tức chỉ cho sự ngộ-nhập tự-tâm, Phật tánh. Khi ngộ-nhập vào tự-tâm Phật tánh tức là thể-hội «bản lai diện mục» của mình. Khi thể-hội được bản lai diện mục tức là hòa hợp với bản-giác tự-tâm, đoạn trừ tư-dục ngã-chấp thoát ly ra ngoài vòng phân-biệt đối đãi giữa mình và người, chúng sanh và Phật vậy.

Cho nên sự ngộ nhập vào chân lý pháp tánh ở đây, không phải là một công trình xây dựng mới lạ, cũng không phải là việc hướng ngoại tìm cầu; trái lại, chỉ là một việc trở về với chính mình và cải cách lối sinh hoạt của mình cho mỗi ngày một tốt đẹp thêm mà thôi. Việc thể-nhập đạo-lý «vạn pháp nhất như» của ngài Vĩnh-Tây ở Hư-am Hoài-tệ; việc đạt ngộ ý nghĩa «thân tâm thoát lạc» của ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sur ở đạo-tràng Thiên-dồng như-tịnh là những sự thật lịch sử chứng minh cho thuyết lý này. Nhưng muốn ngộ nhập vào chân lý pháp tánh ấy, trước hết chúng ta cần phải có ý chí nhiệt nung và tinh thần đồng mãnh tinh tấn hành đạo mới được. Vì đây là 2 điều kiện tất yếu để đi đến đại ngộ.

Đề đi đến sự đại ngộ này, trong phái Zen thường có chi bày nhiều phương-pháp thực hành khác nhau. Phương-pháp thực hành tuy có nhiều lối, nhưng đại lược có thể chia ra thành 2 lối như sau: đốn-ngộ và tiệm-ngộ. Phái Zen của ngài

(2) Pháp-tánh tiếng Phạn là Dharmata, tức là chỉ cho bản tánh chân thật của vạn pháp.

Lục-Tổ Huệ-Năng là chủ trương ở sự đốn-ngộ; còn phái Zen của ngài Thần-Tú là hướng về phương diện tiệm-ngộ. Đốn-ngộ tức là tức thời trực ngộ vào cảnh địa của Như-lai; tiệm-ngộ tức là tiệm-thứ tu-học và lần lượt chứng ngộ đến Phật quả.

Nói một cách tổng quát: Zen của ngài Lục-Tổ Huệ-Năng tức là thực hành theo phương pháp « đốn ngộ diệu tu »; còn Zen của ngài Thần-Tú tức là thực hành theo phương pháp « thật-tu tiệm-ngộ ». Theo ngài Thần-Tú thì trước hết phải học cho sâu sắc, tu cho tinh tấn mới dần dần được chứng-ngộ chân lý pháp tánh. Nhưng theo ngài Lục-Tổ Huệ-Năng thì khác; ngộ đạo chỉ là một sự trở về với tự tâm Phật tánh của mình, cho nên không cần phải tiệm-tu, mà có thể đốn-ngộ. Chủ trương này được hầu hết các phái Zen ở Nhật-bản đều thực hành theo. Tuy nhiên, sự tu hành thiền quán là một sự khổ-cơ, vì thế người ta cũng không thể phủ nhận giá trị, cũng như phương pháp « tiệm tu, tiệm chứng » của Ngài Thần-Tú.

Trong các phái Zen thực hành theo lối « đốn-ngộ diệu-tu » của ngài Lục-Tổ Huệ-Năng, ở Nhật-Bản hiện tại phái Tào-dộng-tôn rất được phát-triển và phổ-cập. Chủ-trương của Tào-dộng-tôn là tu hành và chứng ngộ là đồng thể. Nói một cách khác, « trong tu mà có chứng, trong chứng mà có tu », đó là thuyết lý căn bản của phái Zen thuộc về Tào-dộng-tôn. Theo phái này, người tu hành cố gắng tu tập thiền-quán cho đến khi ngộ-nhập được đạo-lý « tu chứng tương-tức », tức là ngộ đạo.

Một trong các phương-pháp đi đến sự ngộ-dạo ấy là thực-hành theo « Công án » (3). Thông-thường chữ công-án là chỉ cho những án-lệnh những quy-tắc và điều-luật do chính-phủ quyết-định; những điều này rất công-chánh phân minh, bắt buộc mọi người dân phải tuân-hành, không được trái phạm. Để ví-dụ cho nghĩa này, trong phái Zen

(3) Trong bộ *Thiền-lâm Bảo-huấn âm-nghĩa* định nghĩa chữ công án như sau: * Công tức là chỗ thấu triệt của Thánh-hiền, lý dung thông cả thiên hạ. Án tức là những án văn-chương, những lời dạy bảo của Thánh-hiền.

thường dùng chữ công-án. Chữ công-án ở đây có nghĩa: những giới-điều, những ngôn-hạnh, hay những đoạn-văn, những lời vấn đáp của tổ-sư để lại là những quy-điều không thể phạm đến và đồng thời cũng có thể nương vào đó làm tiêu-chuẩn để quyết định thị, phi, mê, ngộ v.v... Chữ công-án trước hết là do thể-tục dùng, nhưng từ đời Đường trở đi, trong phái Zen mỗi khi tham-thuyền nhập-định đều áp-dụng theo lối công-án này. Và từ đó, tùy theo căn-cơ, tùy theo hỷ-nhận và tùy theo lối tu-hành mà mỗi người công-án của Zen mỗi ngày một tăng thêm. Hiện tại, nếu tính ra thì đã có hơn 1700 công-án.

Vi công-án là những phương-pháp tu-hành tùy theo căn-tánh của mỗi người, nên dễ khó, dài ngắn không quyết định. Có công-án nghĩa lý rất rõ ràng dễ hiểu, nhưng có công-án thì nghĩ mấy cũng không ra, giải-thích bao nhiêu cũng không được. Ngoài ra, có công-án chỉ gồm vãn-vện một câu, nhưng cũng có công-án dài hàng mấy trang giấy. Tuy khó dễ, dài ngắn bất-định, nhưng vì công-án là những phương-pháp tu-hành, những kinh-nghiệm trên đường ngộ-đạo của các vị tổ-sư để lại, vì thế mọi hành-giả phải thực-hành theo, và phải lấy đó làm thoạt-đầu để tu-tiến. Để quý vị hiểu qua cách thức cấu tạo các công-án như thế nào, sau đây tôi xin trình bày ra đây một công-án để làm thí dụ:

— «Ngài Tăng Triệu Châu hỏi: « 狗子 « Cầu-tử có Phật-tánh hay không? » — Ông Châu trả lời: « Có ». Vị Tăng hỏi thêm: « Đã nói cầu-tử có Phật-tánh thì Phật-tánh ấy nằm ở đâu? » — Ông Châu trả lời: « Phật-tánh nằm trong tự-tánh thanh-tịnh của mọi loài ».

— Vị Tăng ấy lại hỏi: « Nơi cầu-tử có Phật-tánh hay không? » — Ông Châu trả lời: « Không ». Vị Tăng hỏi tiếp: « Tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh, tại sao nơi cầu-tử lại không có Phật-tánh? » — Ông Châu trả lời: « Vì nơi cầu-tử đầy cả nghiệp-thức vậy ».

Đó là một công-án cấu-tạo bằng loại vấn vấn - đáp có Phật-tánh hay không. Ngoài ra, còn có nhiều loại công-

án khác, và mỗi công-án được xem như là một phương-tiện để tu-hành, thuyền-quán, Hành-giả cứ chọn một hay nhiều trong các công-án ấy mà suy-nghiệm, quán-sát, khi thấu-triệt tận cùng ý-nghĩa của công-án, tức được hoát-nhiên giác-ngộ.

Điều cần nhớ ở đây : Công-án chỉ là những thoại đầu vì thế không phải nhớ nhiều thoại-đầu mà được giác-ngộ. Trái lại, cần phải hiểu rõ ý-nghĩa của các thoại đầu ấy, rồi nương theo đó mà suy luận thuyền-quán, mới có thể đi đến giác-ngộ. Phương-pháp này gọi là «khán thoại thuyền», tức là xét-nghiệm ý-nghĩa và thực-hành theo các thoại đầu của thuyền. Phương-pháp tu thuyền này được xem là phương-tiện đầu tiên để dẫn-dụ những kẻ sơ cơ nhập-đạo.

Nhưng tùy theo căn-cơ của người cầu đạo, có khi không cần phải áp-dụng theo lối tu này, mà người ta có thể ứng-dụng theo phương-pháp Đốn-ngộ diệu-tu. Các vị tổ-sư ngày xưa phần nhiều đều ứng dụng theo phương-pháp Đốn-ngộ diệu này, nghĩa là «đĩ tâm ấn tâm, sư tư tương chứng» vậy. Một khi đã áp-dụng theo lối tu này thì công-án hay thoại đầu, chỉ là những khái-niệm, những hình-thức, những cố-định, những điển-hình vô nghĩa mà thôi. Cho nên nếu muốn thực-hành theo công-án thì phải lấy nó làm những khóa đề, những đối tượng và phải áp dụng nó vào trong sinh-hoạt hằng ngày mới có hiệu quả thiết thật. Cũng như chính vì thế nên Ngài Đạo-Nguyên Thuyền-sư mới đề xướng thuyết «Hiện thành công-án» vậy.

Điều quan trọng cần phải nhắc lại ở đây là Zen tức là một Tôn-phái chủ-trương ở chỗ «trực-ngộ», hay nói một cách khác là «đã tọa tức là Phật-pháp». Cho nên dù rằng lối tu hành của Zen là chú-trọng ở phương-pháp tọa-thuyền, nhưng không phải chỉ lúc ngồi mới thuyền-quán được. Phái Zen chủ-trương : trong các công việc hằng ngày, trong 4 oai-nghi đi, đứng, nằm, ngồi v. v... tất cả đều có thể thuyền-quán. Câu «Na-già (Nàga) thường đại-định» là chỉ cho ý-nghĩa này. Chữ Na-già ở đây là chỉ cho Long-tượng, tức là Phật.

«Na-già thường đại-định» nghĩa là gì? — Trong kinh Long-tượng thuộc về bộ Trung-A-Hàm chép: «Khéo giữ hơi thở điều-hòa, xuất, nhập, trú, tâm thường ở trong chi-thiện-định; tất cả cử động của Long-tượng đều ở trong định. Đi,

đứng, nằm, ngồi đều là định ; tất cả các thời Long-tượng đều ở trong định ». Ngoài Long-tượng kinh trên, trong các bộ như Tăng-chi-bộ, Trưởng-lão-kệ v. v... cũng có những đoạn văn tương tự như thế này.

Đoạn văn trên chứng tỏ rằng : Tất cả hành vi cử động hằng ngày đều là thuyền-quán ; tất cả những công việc tiếp xúc giao dịch ở đời đều có thể trở thành công-án, nếu chúng ta xử dụng các việc ấy một cách đúng đường, hợp đạo. Câu « Phật-pháp bất ly thế gian pháp », « nhật dụng sinh hoạt bất ly thuyền-định », trong phái Zen là chỉ cho ý nghĩa này.

Ý-nghĩa này không những chỉ được diễn-tả trong kinh-pháp mà thôi, đến trong phần lịch-sử, trong đời sống thực-tế cũng có ghi chép rất nhiều việc đề miếu-tả sự lý này. Ví dụ : Ở thời ngài Đạo-Tin (đệ-tứ tổ) và ngài Hoàng-Nhân (đệ-ngũ tổ), môn-đệ gồm hơn 500 người, và trải qua hơn 60 năm cùng nhau an-trú tu-tập ở núi Song-Phong. (4) Với một Tông-lâm đồ-chúng đông-đức như thế và với một thời-gian chung-hợp lâu dài như thế, tất nhiên chúng-tăng không thể suốt ngày tu-tập thuyền-định mà không nghĩ đến vấn-đề sinh-hoạt được. Cũng vì lý-do ấy nên Tổ-sư đã tùy theo khả-năng của mỗi người phân-công làm các công-việc ; người thì quét nhà, người thì hái rau, người thì mót củi, người thì chăm-lo các việc cây cấy, ruộng vườn v. v. . . Trong khi chúng-tăng sinh-hoạt với phương-tiện tự cấp tự túc, sống với đời sống cần lao phục-dịch ấy, nếu những công việc sinh-hoạt hằng ngày ấy, không được xem như là tu-thuyền học-đạo thì ai mà làm cho ? — Cho nên theo Zen, tất cả những công-việc sinh-hoạt hằng ngày nếu biết xử-dụng đúng đường thì đều là phương-tiện đi đến chỗ giác-ngộ Phật-tâm. Cũng vì lẽ ấy nên phái Zen chủ-trương : đồng-hóa với sinh-hoạt của xã-hội mà tu-thuyền vậy.

Điều cốt-yếu ở đây là chúng ta, mọi người muốn tu-tập theo Zen cần phải có tâm hướng-thượng, có chí mong

(4) Núi Song-Phong là một hòn núi lớn ở tỉnh Hồ-Bắc, Tân-Châu, Hoàng-Mai huyện ở Trung-Hoa. Núi này ở gần nơi Bắc-ngạn của sông Dương-Tử-Giang.

cầu đạo-quả giác-ngộ. Khi đã có tâm và chí ấy rồi thì chúng ta sẽ đi vào giai-đoạn thứ 2 là giai-đoạn tìm hiểu chân giá-trị của mình và người, suy-nghiệm quán-xét đến những lý-nghĩa ăn-tàng trong mọi sinh-hoạt hằng ngày. Khi đó thì « bình-thường tâm tức là Phật-tâm, nhật nhật tức là hảo-nhật ». Và đó chính là ý-nghĩa của câu: « Tùy-xứ tiện-nghi, tất cả đều là chân-thật » trong Lâm-tế-lục thị-chúng trên vậy.

Tóm lại chủ-trương của phái Zen là: thế-gian tức là Phật-pháp, vạn-sự đều là chân. Sinh-hoạt của Zen là xa lìa các vọng-tưởng điên-đảo, đoạn-trừ tư-dục ngã-chấp, và thực-chứng đạo-lý chân-thường của muôn-pháp. Vạn-thủ bang sai là Zen. Cứu-tế xã-hội là Zen. Thần-thông diệu-dụng, hóa-độ chúng-sanh cũng là Zen. Nói một cách khác, dưới con mắt của phái Zen, tất cả thế-gian và Phật-sự đều là Zen.

Nhưng cũng nên nhớ thêm rằng: Nếu tu Zen mà còn thấy mình tu thì đó không phải là Zen chân-chánh. Nếu chứng-ngộ mà còn biết mình chứng-ngộ, đó cũng không phải là chân-thật chứng-ngộ. Cho nên nếu còn chấp-trước phân-biệt mình và người, chúng-sanh và Phật, Niết-ban và sanh-tử v. v. . . thì không thể hiểu được lý-thuyết: Tức sự mà Chân; cũng không thể đạt-ngộ đến quả-vị: Vô-công-dụng-địa, và đó không phải là sinh-hoạt của phái Zen chân-chánh vậy.

THÍCH THIÊN - ẨN

(Kỳ sau sẽ đăng: Zen và nhân-cách)

Học tập và bảo vệ Chánh - Pháp là
nhiệm-vụ chính-yếu của người Phật-tử

Húc nhau chi lắm thế ?

Màu chuyện đạo của C. Long-Huệ

PHẬT và đoàn đệ tử đang ngồi dưới bóng cây Bồ-đề, trên một ngọn đồi. Xa xa, thành phố La-duyet-Kỳ in bóng xuống giòng sông rộng. Những mái lâu đài sừng sững trời lên trên đám cây xanh.

Dưới chân đồi, một đồng cỏ trải dài theo bờ sông...

Phật nhìn xuống đồng cỏ, dang thẳng cánh tay chỉ về phía trước mặt, bảo hàng đệ tử :

— Các người hãy nhìn phía đằng xa kia.

... Đằng xa kia, trong đám bụi mù, một bầy bò đang tiến đến Chúng chia thành hai nhóm. Nhóm đi trước gồm những con bò vàng, lông mượt, óng ánh, thân mình mập mạp, bốn chân chắc cứng. Nhóm đi sau gồm toàn những con bò yếu ốm, bụng lép vào, để lộ bộ sườn cong và cái xương sống oằn xuống như muốn gãy. Đây là những con mới mua, gom nhặt từ các đồng làng lân cận, những con bò mà người ta thải ra vì không kéo nổi cái cày, gần đất xa trời, chờ ngày ngã xuống hay bị giết thịt. Người ta mua chúng về cho nghỉ việc, đưa đến gặm cỏ ở đây, thúc cho chúng chóng lấy lại da thịt để mập mạnh như bầy bò đi trước. Đi sau bầy bò là ba tên chăn giữ. Họ

khóa chiếc chăn, choàng phủ đến chân, tay nắm cành roi dài. Ngọn roi vun vút trên lưng bầy bò...

Bầy bò đến gần hơn. Chúng cúi sát đầu xuống đường, sừng chúi về đằng trước. Trước mặt chúng là màu xanh tươi tốt, là đồng cỏ ngon lành. Chen chúc nhau, bầy bò hồi hả tiếng bước. Vút, vút, đi lên!..

Trong hàng đệ tử, có tiếng thưa :

— « Bạch Thế-Tôn : con thấy ba người lừa một bầy bò. »

Đức Phật nói :

— « Ba người ra roi lừa một bầy bò. Ba người đây là ba người đồ tề. (1) Những con bò đi sau là những con mới mua. Chúng sẽ mập mạnh như đoàn đi trước để đến một ngày kia, chúng cũng sẽ bị giết thịt như bao nhiêu bạn chúng trước đây.

Phải, người đi chăn ra roi lừa bầy bò, cũng giống như thế, già và chết chăn nuôi và lừa kéo sinh mệnh nhau đi! »

... Bây giờ, bầy bò đã đi vào trong đồng cỏ. Người ta dành sẵn cho chúng từng khu vực riêng. Đoàn bò mập mạnh hưởng lòng cỏ tươi xanh ở mé sông. Đám bò gầy yếu chịu khó kéo lê chân xa hơn một chút đến đồng phía trong.

Bây giờ thì tha hồ. Bầy bò chạy tung tăng. Đây, một con trong miêng còn ngậm cả cây cỏ nhỏ bật gốc, vừa nhảy vừa gật gật cái đầu sát tận đất, đây một bọn đang ví vờ đuổi nhau rồi chán ngán, đứng dừng lại, ngẩn đầu lên trời rỗng những tiếng « hum bo » ngơ ngác.

Bỗng như có cái gì lạ xảy đến. Đoàn bò mập mạnh vây quanh một con bò ốm yếu. Con bò này từ đoàn bên kia lạc qua. Chắc

(1) Đồ tề : Người làm nghề giết lợn, giết trâu bò.

hắn là một con mới mua về nên mãi mê nhìn cảnh sống đẹp mà vô tình lạc vào đây. Con bò ốm đang ngờ ngác thì bị ngay một cái húc từ phía bên hông, rồi cái húc từ phía sau mông, rồi từ bốn phía. Nó hốt hoảng rống lên và định nhảy phá vòng vây. Nó liều chết nhảy bật mạng, nhưng ra khỏi vòng nó lại bị ngay một vọt roi đau điếng buốt tận xương.

Sau đó bầy bò đi nhậm gặm cỏ như không có việc gì vừa xảy ra ..

Trên đời, có tiếng một đệ tử than :

— Bầy bò húc nhau, tranh giành nhau trong khi cái chết âm thầm đến gần bên chúng. Ôi ! cảm thương cho bầy bò, cho chúng sanh chìm trong mê mờ.

Đức Phật quay lại, Ngài nói với A - Nan, người vừa phát biểu lời than trên :

— Nhưng mà, này A-nan ! Có phải riêng chỉ người chăn bò và bầy bò mới như thế đâu, nhân loại cũng có nhiều người vui mình trong hoàn cảnh tương tự như thế. Họ chấp trước bản thân, không biết bản thân này chỉ là giả huyễn là chuyển biến sanh diệt liên tiếp, nên họ cứ tham lam sân giận, cung nuôi thân thể, rồi sượng lòng khoái chí, họ sát hại lẫn nhau. Họ húc chết sự sống của nhau mà không biết húc nhau với cái chết. Trong khi đó, bên cạnh sự sống, vô thường chết chóc lạnh lẽo thúc tới, vậy mà họ vẫn thản nhiên, không hay, không biết. Thế có khác gì bầy bò kia !

Có tiếng roi quất vào lưng rít lên, cùng với tiếng bò rống man dại xa xa dưới đồng cỏ...

QUẢNG-HUỆ

于孟蘭佳節感題

一 心 拜 懺 度 雙 親 。	寄 也 願 安 歸 願 脫 ，	花 果 重 重 法 味 真 ：	經 文 句 句 梵 音 妙 ，	祥 雲 覆 蓋 佛 垂 憐 。	法 雨 溼 涸 僧 自 恣 ，	禮 上 于 孟 蘭 世 上 珍 ；	排 徊 寸 草 報 三 春 ，
--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	---	--------------------------------------

ÂM

NGHĨA

VU-LAN GIAI TIẾT CẢM ĐỀ · CẢM ĐỀ TRONG DỊP VU-LAN

Bồi hồi thốn thảo báo tam xuân,	Tất cả ba xuân lưỡng ngậm ngùi!
Lễ thượng vu-lan thế thượng trân.	Vu-lan gặp hội dịp đền bồi;
Pháp vô ưu hàm tăng tự-tứ,	Thấm nhuần mưa pháp Tăng ra hạ,
Tường vân phú cái Phật thù lân.	Phương phát mây hương Phật độ người.
Kinh văn cú cú phạm âm diệu,	Cao thấp kinh văn nghe âm đậm,
Hoa quả trùng trùng pháp vị chân.	Chập chùng hoa quả thấy xinh tươi.
Ký giả nguyện an quy nguyện thoát,	Mẹ cha hiện tại đều an lạc,
Nhất tâm bái sám độ song thân.	Rủi đã qua đời được thành thời.

ĐOÀN NGUYỄN-NGHĨ CẢM ĐỀ

MÙA BÃO HIẾU NĂM XƯA

TÙY BÚT CỦA VĂN - HỘI - CAO - NGUYỄN BANMÊTHUỐT VU-LAN 2504

Kiều-Oanh,

Nhận được thư em với bao nỗi mừng vui, tủi hận...

Vui vì Mẹ được bình an sức khỏe, mừng vì em được may mắn trong kỳ thi vừa qua, tủi vì không được gặp Mẹ và em để cùng chia sẻ nỗi hân-hoan của gia-đình mà từ lâu anh không được hưởng, oán với giông đời tại sao bắt anh lênh đênh mãi nơi xứ lạ quê xa.

Từ ba năm nay có lần nào anh được gần Mẹ và em quá ba ngày. « Ly-hương » anh quen với hai tiếng đó từ lâu nên hôm nay đối với anh không còn nghĩa. Vì trên dải đất chữ S này ở đâu mà chẳng là quê hương của Việt-Nam. Một nước mà con cháu hãnh diện được hưởng di sản của bốn ngàn năm văn-hiến. Hãnh diện với các vị anh-hùng tiền bối như Quang-Trung, Trưng-Vương, Lê-Lợi..., đã bao phen bình Chiêm phạt Tống.

Miền duyên-hải hay thâm sơn cùng tận của núi đồi cao-nguyên vẫn là non nước của chúng mình. Thế thì, chẳng là ly hương phải không em, mà là vì cuộc sống, tranh đấu với cuộc sống để mà được sống.

Anh không buồn vì ly hương như anh đã nói, mà buồn vì xa Mẹ, xa em, xa cả những buổi chiều có mây mùa Xuân trắng đẹp, có gió lướt nhẹ hiền hòa mang tiếng chuông chiều từ mái chùa xa vọng lại.

Xuân đi, Hè qua rồi Thu đến. Nhìn về dĩ vãng anh nhớ quá. Ngày xưa.... khi mùa Thu đến mà chúng mình thường gọi là mùa « bão hiếu ». Có một hôm, anh còn nhớ là tối

ba mươi. Sau khi đi Chùa lễ Phật về, Mẹ hỏi chúng mình :

— Oanh, Nguyễn các con có hiểu ý nghĩa ngày Via Vu-Lan không ?

Nhanh hơn anh, em đã trả lời Mẹ :

« Thưa Mẹ ! Vu-Lan là ngày báo hiếu của thập-phương chúng sanh ».

Rồi em lần lượt kể lại sự tích Đức Đại -hiếu Mục-Kiền-Liên.

Vẫn cặp mắt dăm chiêu và nụ cười hiền dịu nở trên môi của Mẹ trong những lần em kể xong một câu chuyện.

— « Thưa Mẹ ! hôm nào Via Vu-Lan Gia -đình Phật tử chúng con có tổ-chức trình diễn Văn-nghệ để cúng dường chư Tăng,

— « Em Oanh sẽ hát bài Mục-Kiền-Liên, Oanh hát hay ghê Mẹ ơi ».

Anh còn nhớ Oanh lờm anh một cách ngây thơ rồi thưa với Mẹ :

— « Anh Nguyễn nói láo đó, con hát tệ lắm Mẹ ạ ! »

Rồi anh đệm đàn cho em hát, Mẹ yên lặng nghe :

« Đâu-hiu gió, bóng chiều rơi theo lá thu cô đàn chim bay vẫn vờ, chuông Chùa xa đưa thuyền mơ... Nhưng than ôi ! cơm hóa than, lạy Phật Ngài ban ơn lành.... » (1)

Nét mặt buồn buồn khi em hát « nhưng than ôi ! cơm hóa than », với thành khẩn, nghiêm - trang khi « Lạy Phật Ngài ban ơn lành ».

Đọc trong ánh mắt của Mẹ anh chắc rằng lòng Mẹ đang lâng lâng một niềm vui dào dạt và nhũ thắm « Con của Mẹ ngoan quá ».

Rồi Mẹ cười, vẫn nụ cười hiền dịu khoan dung, mà anh ngồi đây cách xa Mẹ, xa em trọn nửa phần dãi đất chữ S. Thế mà anh cứ tưởng tượng như ngồi gần Mẹ, gần em. Hình ảnh của Mẹ hiền đã ghi sâu vào tâm khảm anh, người con trai không tròn chữ hiếu với Mẹ. Nhưng, Oanh

oi ! vì cuộc sống, vì tương-lai mà anh đành xa Mẹ, xa em.

Nhờ Mẹ, thương em, chỉ nhờ xa sâu với vợ, thương mệnh-mòng như lòng đại-dương rộng lớn.

Mấy khóm hoa của chúng mình trồng, Mẹ thường bảo khi nào hoa nở các con nhớ hái dâng cúng Phật. Những cành hoa đẹp hiền hiền, tỏa hương thơm dịu dịu. Hoa Lan, hoa Cúc, hoa Tường-Vi... Đôi tay mềm mại em nhẹ nhàng tỉa từng chiếc lá để cho hoa lên trong khi anh xách từng gàu nước để tưới cho hoa mát.

Có một chiều anh ngắt một cành hoa để tặng cho người bạn từ phương xa đến, em vẫn tươi cười khi người bạn anh tiếp nhận cành hoa. Nhưng, rồi từ đó chẳng khi nào thấy em vui cười, đối với anh, em như người xa lạ không quen biết. Mặt dù mỗi chiều có mấy mùa Xuân trắng đẹp chúng mình vẫn sẵn sóc những khóm hoa.

Ba ngày, năm ngày, rồi tuần lễ trôi qua, thái độ em vẫn thế. Khi hỏi Mẹ, anh mới biết rằng những cành hoa chỉ để dành cúng Phật.

Anh hối hận vô cùng và thấy mình có lỗi rất nhiều với Đức Phật, với Mẹ, với em.

Tối hôm đó, anh quỳ trước bàn thờ Đức Phật và tự nguyện không khi nào anh để Mẹ và em buồn nữa :

« Kính lạy Đức Thế-Tôn ! cúi xin Ngài tha thứ lỗi lầm cho con và nói với Mẹ cùng em con rằng, con đã biết hối lỗi ».

Mấy khóm hoa vẫn xanh và thắm đượm muôn màu, chiều chiều em vẫn vun xới những cành hoa. Nhưng em buồn vì vắng tay anh tưới lên mình hoa những gàu nước mát. Oanh ơi ! vắng anh thì đã có Mẹ. Mẹ là nguồn yêu thương của chúng mình, đêm đêm, dưới ánh mặt hiền hòa và nụ cười Từ-bi của Đức Phật, Mẹ chẳng thương tụng một thời kinh cầu nguyện cho chúng mình sao. Hay em trách anh? Đạo làm con anh biết rằng có lỗi với Mẹ vì không tròn chữ hiếu đối với Mẹ, có lỗi em vì không tròn bổn phận người anh. Nhưng biết làm sao

khi mà mình đi tìm sự sống để xây dựng cho tương-lai.

Giòng đời vẫn trôi đều. Hai mùa thu qua anh không sống được gần Mẹ, gần em để trọn vẹn hưởng tình thương của gia-đình khi mùa báo hiếu đến, anh không được thắp nén hương đưa Mẹ về Mẹ cắm lên bàn thờ Đức Phật, không được hái những cành hoa để dâng lên đấng Từ-Bi, không được nghe em hát bài Mục-Kiền-Liên khi mùa thu đến.

Cho đến nay, mùa Thu thứ ba, mùa báo hiếu đã về trên nẻo đường đất nước mà anh vẫn lê chân nơi xứ lạ quê xa. Giờ này chắc Mẹ đang đơm trái và em dâng hoa để cúng Phật.

Ngồi đây anh mơ thấy một mái nhà, trong nhà có một Cụ già tóc điểm sương mai với một cô gái tuổi độ hai mươi, tóc xanh mượt chấm rũ ngang vai. Vào một buổi sáng mai ngày râm tháng bảy cô chim ca, hoa nở có trầm hương ngào ngạt xông, trong chiếc áo màu Lam, Cụ già và cô con gái chân rảo nhanh trên con đường làng đi chùa dâng hoa cúng Phật.

Vẫn con đường mòn năm xưa, vẫn Cụ già và cô em gái, nhưng thiếu bóng một người con trai một lần anh đã nói với em người con trai ấy không tròn hiếu đối với Mẹ, không đủ bổn phận đối với em.

Oanh ơi! em thưa với Mẹ, chốc nữa anh sẽ đến chùa quỳ dưới chân Đức Bồ-tát và bạch với ngài rằng:

«Kính lạy Đức Đại-hiếu MỤC-KIÊN-LIÊN! con đã nhìn Ngài qua kinh điển, con được biết và kính mến Ngài. Năm xưa . . . khi hay tin Mẹ bị dọa nơi địa-ngục. Vào một buổi chiều thu buồn về chậm chậm Ngài đã lặng lẽ xuống địa-ngục để tìm thăm Mẹ. Con cảm động đến rung rung lệ khi thấy Ngài dâng bát cơm cho Mẹ ăn. Nhưng than ôi! nào có ăn được, vì cơm đã hóa than.

Ngài đành gạt lệ trở về bạch với Đức Thế-Tôn để xin lời chỉ giáo.

Và Vu-Lan-Bồn được lập, Đại-đức chư Tăng chú nguyện cho mẹ Ngài và toàn thể chúng sinh nhờ đó được giải thoát.

Rồi những năm sau và mãi mãi ngày rằm tháng bảy vẫn bắt diệt trong lòng người Phật-tử.

Ngày anh còn ở nhà, Mẹ có dặn chúng mình hễ khi nào Vu-Lan về thì các con nhớ kể lại sự tích Đức Mục-Kiền-Liên cho Mẹ nghe. Vu-Lan năm nay đến phiên anh, nhưng ở đây không có Mẹ và em nên anh đến chùa quỳ dưới tượng Ngai giữa hai hàng hồng lạp với trầm hương nghi-ngút. Anh thành kính đọc lại cuộc đời Ngai, đề nhờ Ngai chứng-minh cho người con trai của Mẹ vẫn còn nhớ lời Mẹ dặn năm xưa.

Chiều về chầm chậm rồi tắt hẳn, thành phố lên đèn. Những chiếc lồng đèn « mừng Vu-Lan » treo đều đặn trước hiên nhà. Trầm hương bát ngát xông lên, khắp phố. Đêm nay, những người con Phật hân-hoan kỷ-niệm ngày « xá tội vong-nhân ».

Chuông chùa rơi đều đều từng tiếng . . .

Chiếc máy phóng thanh nhẹ nhàng buông bài hát Mục-Kiền-Liên.

LỜI GIỚI THIỆU

Chúng tôi vừa nhận được những kinh sách Phật sau đây :

Câu chuyện đạo lý tập I giá 10\$	Câu chuyện đạo lý tập II giá 7\$
Phàm Phô - Hiền — 10\$	Dấu xe muôn thuở — 6\$
Tiếng nói miền quê — 4\$	Đại Cương Phật-pháp — 5\$
Kinh Vô - Thường — 5\$	Tin Tưởng — 4\$
Lễ Phật-dẫn tại Đông-Hồi — 5\$	Hương Đạo Hạnh (thơ) — 5\$
Em bé Tổ - Tâm (thơ) — 5\$	Em bé dâng hoa (thơ) — 2\$

Do nhà in Liên-Hoa đường Lam-sơn Huế xuất-bản và phát-hành, dưới sự Chứng-Minh của Giáo-hội Tăng-già Trung-phần.

Chúng tôi xin cảm ơn nhờ Xuất-bản và hoan hỷ giới thiệu cùng độc-giả Liên-Hoa Nguyệt-San các kinh sách trên.

Quý độc-giả muốn thỉnh các thứ kinh sách ấy, ở Nam-phần xin đến chùa Ấn-Quang Chợ-lớn, ở Trung-phần xin đến các Trụ-sở Giáo-hội Tăng già và chùa Hội-quán Phật-giáo các tỉnh, ở nào muốn nhận làm Đại-lý xin liên lạc với nhà in Liên-Hoa kiệt I đường Lam-sơn hoặc nhà sách Hoa-Đàm 66 Chi-Lăng Huế.

HIẾU HẠNH

của ĐỨC-THƯƠNG

**Nâng niu bú mớm đêm ngày,
Công cha nghĩa mẹ xem tay bẻ non.**

Câu hát bình dân ấy đã bộc phát một cách chân thành lòng hiếu thảo của người Việt-Nam đối với cha mẹ. Nhưng đó chỉ mới ý thức được tình thương và công lao của cha mẹ chứ chưa xác định rõ cái bổn-phận của người con.

Nhiều câu ca dao khác đã nói lên một cách đầy đủ hơn, vạch rõ cho ta những nhiệm vụ phải làm để hoàn-thành chữ hiếu :

**Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.**

hoặc :

**Đi mô bỏ mẹ ở nhà
Gối nghiêng ai sửa chén trà ai bưng**

Bổn phận người con là phải hết lòng phụng-dưỡng cha mẹ luôn luôn ân cần săn-sóc chăm nom từ miếng ăn thức uống cho đến gối đến giường.

Dẫu ở trong hoàn cảnh nghèo nàn họ cũng :

**Đói lòng ăn bát cháo môn,
Nhịn cơm nuôi mẹ cho tròn hiếu trung.**

Đó cũng là quan niệm chung của mọi người Việt-Nam. Với Thi-sĩ Tố-Như, bổn-phận người con đối với cha mẹ cũng không ngoài sự cung-kính phụng dưỡng. Khi nàng Kiều vì

hoàn-cảnh gia-đình phải xa lìa cha mẹ, nỗi đau đớn của nàng là:

**Sân Hòe đôi chút thơ ngây,
Trần - cam ai kẻ đỡ thay việc mình.**

Với nhà thơ Nguyễn-Bình, khi người con gái chia ly cha mẹ để về với nhà chồng họ cũng không quên dặn em:

**Em ơi em ở lại nhà,
Vườn dãi em đón mẹ già em thương.
Mẹ g à một nắng hai sương,
Chị đi một bước trăm đường xót-xa.**

Vâng họ làm sao khỏi xót-xa, dù là bước đi để mở đầu cho một cuộc đời mới, sống một cuộc đời êm đềm bên cạnh người yêu chẳng nữa họ cũng cảm thấy đau đớn vì chưa báo đáp được công ơn cha mẹ. Trong đời họ ai là người đã từng thương yêu chân thành và tận tụy hy-sinh cho họ bằng người cha quý mến và người mẹ yếm-áu. Cuộc đời cô gái kia ngày mai có sung-sướng bao nhiêu thì giờ đây họ phải khóc nhiều bấy nhiêu vì họ làm sao có thể vui sướng được khi tuổi già của bà mẹ không được bàn tay họ chăm lo. Một câu thơ chữ Hán cũng đã nói lên được điều đó.

« Khấp như Thiếu - nữ vu quy nhật »

Có người cho rằng vì cô gái kia sung sướng được bước qua cuộc sống hạnh-phúc mới nên phát khóc, con người đứng trước sự sung sướng cũng có thể khóc được, một bà mẹ đã khóc lên ôm lấy đứa con trai khi chàng ta trở về sau mấy năm chinh chiến.

Có người lại bảo cô gái khóc khi về nhà chồng là vì bỡ ngỡ thẹn thùng. Song, có lẽ yếu tố chính làm cho dòng lệ nóng của nàng tuông trào là vì nhớ mẹ thương cha, vì lòng hiếu của người con vậy.

Đúng thế, dù một chàng trai dững cảm, chưa bao giờ để đôi mắt phải ướt lệ, nhưng chàng cũng không khỏi quặn lòng

khí nhớ đến người mẹ thân yêu mà chàng không được sống gần-gũi. Nữ thi sĩ Phạm-Từ-Quyên đã dệt thành bài thơ nổi cảm xúc của chàng trai nhớ mẹ ấy.

. . . Bông hiện về bóng mẹ chốn xa xăm
Tóc trắng cước tay gầy nâng gậy trúc!
Tim con trẻ phút giây như ngừng đập.
Chí muôn phương! thu hẹp nghĩa gia đình . . .

Khi cha mẹ đã khuất núi người con còn phải cõ bồn-phận phụng thờ. Ca-dao Việt-Nam cũng có câu:

Công cha ba năm tình thâm cốt nhục,
Nghĩa mẹ chín tháng dưỡng dục cưu mang.
Bên ướt mẹ nằm bên ráo con lăn
Biết lấy chi đền nghĩa khó khăn.
Chừ hai đứa mình lên non gánh đá, xuống xây
lăng phụng thờ.

Quan niệm thông thường về chữ hiếu của người Việt-Nam hay nói chung là người Đông-phương tưởng như thế cũng khá đầy đủ. Song đối với người đã hiểu Đạo Phật chút ít thì quan-niệm ấy vẫn còn hơi hẹp không được sâu đậm lắm,

Người đã hiểu lý Nhân quả chắc hẳn biết rằng sự phụng-dưỡng cha mẹ bằng miếng ăn tấm mặc thức này thức khác, hầu hạ săn-sóc cũng chưa phải là đủ mà người con còn phải đem ánh sáng Đạo Phật về nơi Gia-đình. Giới thiệu với cha mẹ con đường chánh pháp. Khuyến hóa cha mẹ Quy-y Tam-Bảo, thực-hành hạnh Từ-Bi, sống theo lời Phật dạy. Nói chung lại bồn phận người con ngoài sự cung phụng còn phải thúc đẩy cha mẹ gieo những nhân lành để gặt lấy những quả tốt cho ngày mai, vì cuộc đời của một cá nhân phải do bàn tay của cá nhân ấy sáng tạo.

Nhưng đó là lúc cha mẹ sinh thời, khi người đã quá-vãng thì cũng không phải hương khói phụng thờ xây lăng đắp mộ theo quan-niệm thông thường ấy là đủ, vì con người

còn phải tùy theo hành động thiện ác mà luân hồi trong sáu nẻo, chúng sinh xung quanh ta cũng có thể là cha mẹ chúng ta từ kiếp trước. Vậy ngay chính người con hiếu lại còn phải thực-hành hạnh Từ-bi hơn ai hết. Đến đây bổn phận người con đối với cha mẹ chưa phải là tròn. « Ân cha mẹ bằng trời bằng bể » làm sao người con có thể đền đáp đầy đủ được. Một nhà thơ Phật-giáo đã nói.

**Bơ a cảnh khổ con đành ở,
Chàng biết làm sao đáp thâm ân.**

(Hoài-Sơn)

Ngày xưa Đức Mục-Kiền-Liên, một vị Bồ-tát cũng không thể tự mình cứu mẹ trong địa ngục được, huống nữa chúng ta, những con người đang sống trong « Bể trần-khổ ». Nhưng, như chúng ta đã biết, không phải vì thế mà ngài thất-vọng; cũng như chúng ta ngày nay không phải quá bi-quan trong việc cầu nguyện giải thoát cho cha mẹ. Một phương tiện cuối cùng nữa là nhờ Đức Phật và nhờ công-năng tu-tĩnh của chư Tăng trong ba tháng An-cư kiết-hạ, sức thanh-tịnh chú nguyện của các chư Tăng ảnh-hưởng không phải là ít. Vì thế đến ngày xuất hạ Tự-từ, ai là người con hiếu-hạnh không thể nhớ ơn Đức Mục-Kiền-Liên, ngài đã mở đầu và chỉ lại cho chúng ta pháp môn giải-đạo-huyền :

**Nhưng cũng may thay có Mục-Liên
Thấy bao đau khổ của mẹ hiền
Nặng lòng báo hiếu nên cầu Phật
Chỉ dạy pháp môn giải-đạo-huyền**

(Hoài-Sơn)

Ngày nay hầu hết mọi người đã hiểu được phương-pháp cứu khổ cha mẹ đều thành tâm hành lễ Vu-Lan cúng dường Tam-Bảo để cầu nguyện cho cha mẹ. Điều ấy cũng đã trở thành một phong-tục của dân-tộc Á-đông, luôn cả các dân-tộc Tây-phương theo Phật-giáo mà nhà thơ Hoài-Sơn đã khéo ghi lại vừa gọn-gàn vừa đầy đủ trong mấy câu thơ :

**Từ ấy đến nay, khi thu sang
Năm châu thành thị lẫn xóm làng,**

**Những ai là kẻ mang ân-nặng
Đều vận lòng thành đón Vu-Lan.**

Họ đón Vu-Lan bằng cách nào? Đây, Hoài-Sơn đã nói tiếp:

**Hôm nay gặp lễ giải-đảo-huyền
Con nguyện noi bước Mục-Kiền-Liên,
Chư Tăng tự-từ con cầu nguyện
Mười phương phụ mẫu thoát đảo-huyền.**

Trước nỗi lòng thương cha nhớ mẹ nhà thơ Phật-giáo cũng ghi được tất cả tình cảm trong văn thơ như các thi sĩ khác, nhưng những văn thơ ấy đã tô đậm nét cho chữ Hiếu hơn, nói lên được lòng hiếu của người con một cách sâu đậm và đầy đủ.

Chúng ta hãy đọc thêm vài giòng thơ của Hoài-Sơn:

**Mẹ thiếu cho chăng ở cõi trần
Đưa con của mẹ mãi băng-khuông.
Ngày đêm suy-nghĩ và suy-nghĩ
Thần con mang nặng mối thâm ân**



**Nghĩ đến thâm-ân con động lòng,
Công cha nghĩa mẹ tựa núi sông.
Ăn cay nuốt đắng nuôi con trẻ
Đau khổ gian nguy chẳng nãn lòng.**

Đồng thời các nhà thơ Phật-giáo còn bổ chính thêm cho bổn phận người con hiếu được xác-định rõ ràng. Ngoài Hoài-Sơn, Trúc-Dịch cũng cho ta một ý-niệm về chữ hiếu qua mấy văn thơ:

**Mẹ hiền về chốn Thiên cung,
Toại lòng con thảo nguyện cùng Thánh-Tăng
Từ-bi công-đức Vạn-năng,
Mấy ngàn năm vẫn không tăng đổi thay...**

Vâng, người con mãi đem lòng thành cầu nguyện Đức Phật, chư Tăng và chỉ khi nào người mẹ được về Thiên-cung họa chẳng người con lúc ấy mới toại lòng. Chính ngày ấy đối với nhà thơ Trúc-Dịch là ngày vui của thế kỷ vậy:

**Cầu cho cha mẹ đã sinh
Cửu huyền thất tổ tâm tình thành thơ
Hôm nay ngày của ba đời,
Ngày vui thế kỷ không rời hôm nay.**

Như vậy các nhà thơ Phật-giáo đã vạch cho chúng ta một lối thoát. Với quan niệm thông-thường người con hiếu luôn luôn bị bế tắc vì người con ấy chỉ có thể đem hết lòng phụng dưỡng để ch mẹ hiện tiền được đầy đủ với cuộc sống được thỏa mãn mọi nhu cầu, nhưng đó là vật chất. Trên phương diện tinh-thần cha mẹ đã chắc gì được an vui. Hơn nữa lúc tạ thế cha mẹ sẽ về đâu? cuộc đời có được sung sướng không? người con đâu có biết và đâu có còn được theo bên cha mẹ để săn-sóc chăm-nom.

Nhưng đọc qua những giòng thơ của vài nhà theo Phật-giáo về vấn đề báo hiếu, ắt hẳn chúng ta không còn phải thắc mắc khó khăn gì nữa.

Phương tiện báo hiếu đã có và bằng phương tiện ấy người con hiếu có thể đạt đến cứu-cánh. Ở đây chỉ còn đợi lòng chí thành và sự ngưỡng mộ Tam-Bảo của người con hiếu-hạnh.

Đấy, Vu-Lan đến khi mùa thu đã đến.

**Trời thu hương khói tỏa thanh
Muôn người con hiếu kính thành cầu xin
Đóa hoa với tấm lòng tin
Ngưỡng trông Đức Phật bắt vìn nhiếp từ.
Cành dương tiếp dẫn qua bờ
Bảy đời cha mẹ nương nhờ Đạo Thiêng,
Tâm an, thân mạnh hiện tiền
Người qua chín suối về miền Tây Phương.**

Đức-Thương

Trên xe lửa ★ ★ ★ ★ ★

Bức thư gửi người em đồng đạo

EM T thân yêu!

Chị đang ở trên giường ngủ của toa xe lửa Sài-gòn — Nha-trang để biên thư cho em đây. Nhớ kỹ là giường thượng hảo hạng đấy nhé, chứ không phải là cái toa « hạng khổ » như khi đi từ Huế vào Nha-trang thẳng trước nửa đàu. Nhớ lại mà giật mình! Cái cảnh hành khách ngủ gà ngủ gật chung quanh; vào khoảng 11 giờ đêm trên xe lửa hạng ba thật là một cảnh tượng khó quên. Chị tự bảo: hay chính đấy là mặt thật của sự sống, mà mình đã vô tình không hề nghĩ! Có phải rằng khi ngủ người ta mới thật « Sống » hay không!

Ban này chị cũng có đi phiêu lưu cùng một người bạn xuống toa hạng ba, xa lắm, ở tận cuối tàu. Người bạn chị rú lên khi gặp phải cảnh la liệt vô cùng hỗn độn trên sàn tàu, và vội giục chị trở về. Chúng mình thì đã quá quen với cảnh « lên voi, xuống chó » rồi, nhưng không hiểu sao cũng thấy khó chịu lạ.

Ngang toa hạng nhì, thấy có một đám đông đang xô xao bàn tán: một hành khách bị đánh cắp chiếc máy thu thanh nhỏ. Kẻ gian đã nhảy xuống tàu thừa lúc tàu di chậm, và lẩn trốn vào rừng sâu. Chà! Sống lương thiện đã là khó, vậy mà có kẻ còn đang phải chui rúc luôn luôn tìm bóng tối, không

hiều họ là giống người gì? Chị đứng ngắm những rừng cao su bí mật đen ngòm, mặt dù ánh trắng mười bốn, và nghĩ ngợi mông lung. Chị nghĩ giá có em giờ này thì thích bao nhiêu! Em cũng biết đấy chứ, Liên, bạn chị, không như chúng mình. Liên không thích ngắm phong cảnh lắm, một phần vì hay mệt, và nhất là không thích đảo bói một tư tưởng nào. Cái óc y-khoa có khác, bao giờ cũng chỉ nghĩ đến bệnh hoạn! Chị đã có lần nói đùa rằng nghề của Liên là nghề « đau khổ », vì luôn luôn Liên phải chứng kiến những khổ đau, còn nghề chị mới là « hạnh phúc ». Chị sẽ chỉ thấy những mầm non mà không bao giờ thấy sự già cỗi. Và còn gì trong sạch, nên thơ cho bằng tuổi trẻ của học sinh phải không em?

Đêm về khuya, trăng càng tỏ. Tàu đi ngang một khoảng trống mênh mông rộng. Chỉ có những ngọn núi in hình nổi bật lên nền trời, vĩ đại và cô đơn. Em nhớ không, trên chuyến tàu Đà Lạt năm xưa em đã hỏi chị nghĩ gì khi ngắm rặng núi bát ngát ấy. Riêng em thì em liên tưởng đến đời của những bậc danh nhân nó cũng như dãy núi xa, vừa huyền bí vừa hùng vĩ cao vòi... Đúng thế em ạ và giờ đây chị đang nghĩ đến Nguyễn-Du của chúng ta. Hồi sáng cãi nhau về một câu trong Đoạn trường Tân - Thanh với một người bạn Sài Gòn, chị đã tức đến gần phát khóc. Chị ấy bảo rằng câu « Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi » nhất định là « nghĩ » dấu hỏi (?) và « nghĩ » đó là Kim-Trọng rồi lý luận như vầy: Kiểu nhớ đến Kim-Trọng định nhờ Kim-Trọng bán nhà để giúp mình chuộc cha nhưng nghiệm lại thì không ổn, vì « nó đâu dại gì lại rẽ cửa chia nhà vì mình? » Chị có giữ bao nhiêu lý luận để giảng giải, cô ta vẫn khư khư với lập trường mình: và còn chắc lưỡi bảo: « Hèn gì Nguyễn Du không khóc rằng: Bất tri tam bách dư niên hậu... » Thật buồn đến thế là cùng! Lúc ấy chị bị quan đến nỗi

nghĩ rằng tiền đồ văn học Việt-Nam sắp nguy mất thôi. Bao nhiêu là tạp chí rở tiền mọc lên như nấm, sách vở thấp duốc tìm mới gặp thỉnh thoảng một cuốn đứng đắn. Sách báo thay vì hướng dẫn quần chúng lại đi nuông chiều thị hiếu nông nổi của « khách hàng ». Thật đúng như người xưa đã bảo: Văn học muốn lên, không những chỉ cần người biết viết mà còn phải cần người biết đọc. Ngày nay người « biết đọc » phỏng có bao nhiêu !

Mãi viết băng quơ, chống mỗi cả tay em ạ. Chị muốn ngủ nhưng khó ngủ lạ, vì quá giờ rồi. Con tàu lại cứ say lắc lư mãi :

*Giữa đêm mây núi chập chùng,
Non sông chênh choáng biết dưng đâu đây?* V.H.C

Chị muốn ngủ để mơ về Huế, về xóm Tịnh Phổ với bờ tre xanh, với hồ sen hiền dịu. « Ngày về còn xa... » em nhỉ ! Nhưng lo gì, chị đã nghĩ ra rồi. Và đây chị đang ở bên em, cùng em nghịch nước ở hồ sen quen thuộc thân yêu. Em vục từng ngụm nước với hai bàn tay nhỏ dề trên lá sen để cho những hạt kim-cương lăn nhanh rồi lại tan thành nước. Trò chơi trẻ con thế mà cũng say sưa lạ. Chị bảo : chị muốn đòi chị cũng như lá sen kia, giải thoát khỏi bao nhiêu hào nhoáng phù vân dù phải động chạm với nó. Vì em nhỉ, những hạt bằng nước kia đẹp phải chăng cũng vì nó giả ảo chóng tan ?

Chúng ta sẽ hoạt động, tranh đấu hết như những hạt nước thi nhau lăn chạy trên lá nhưng rồi sẽ thế nhập vào với nước và không còn để lại một dấu vết gì trên mặt hồ phẳng lặng. Phẳng lặng như giấc ngủ bình yên. Phải còn gì thú vị bằng tối đến, niệm vài danh hiệu Phật Di-Đà để thả hồn về Tây-phương, bỏ lại bao nhiêu ý tưởng rộn ràng của một ngày hoạt-dộng để bình-minh sau sẽ « tính nốt », em nhỉ ? không ghét lợi danh như một người xưa nào đó đã ghét đến xôn

xang như bị bụi lọt vào mắt, chúng ta sẽ đón danh lợi như lá sen đón những giọt thủy-tinh đẹp. Thế thì thành công, thất bại còn đáng kể vào đâu nữa, hở em? Em sẽ mỉm cười bảo rằng: chị nói suông để quá, chị thông cảm nỗi phiền muộn chính đáng của em. Em buồn vì sợ Má buồn. Nhưng em hãy cần thận trước ý nghĩ đối trá đó! Em nhìn xem Má có buồn không? Má vẫn vui, và muốn em vui lên để cố gắng lại. Đây là một dịp hiếm có để em tỏ ra xứng đáng là Phật-tử, là con của Má, và... em của chị! Má là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo, tấm gương in nhiều cảnh hoa đẹp mà hai bông hoa nổi bật nhất là Nhân-nại và Giải-thoát, chị không sao quên được buổi tối hầu Má đi xem bảng cho em. Má vui quá và tràn ngập hy vọng khiến chị vui nhiều và tha thiết niệm Phật suốt dọc đường để cầu nguyện cho em thi đỗ, cho hy vọng của Má khỏi bị đánh lừa! Thế mà... Nhưng thế mà em ạ, trên đường về, chuỗi cười của Má vẫn trong trẻo bất diệt: Má đang bàn tính cùng chị những mưu kế ngộ nghĩnh để trì hoãn việc báo «hung tín» cho em! chị cũng cảm thấy lòng dịu xuống, không náo nức vì việc đậu hỏng nữa. Chị nghĩ: Rồi thật đời Má có vui mà không có buồn, chúng ta phải tôn thờ và noi theo đức tính của Má. Em hãy lạc quan đi, không phải thứ lạc quan trơ tráo của người không chịu tiến thủ mà là cái lạc quan giá đáng nghìn vàng, «ơn riêng» của những Phật-tử có nhiều đức tin và giải-thoát đầy em ạ.

Can đảm lên em nhé, và đừng bao giờ quên việc cầu nguyện song song với sự cố gắng của em. Được thế, chị tin chắc rằng em không bao giờ bị «xúi quẩy» một lần nữa đâu.

Thân ái,
TÂN-XUYÊN

Hoài niệm Song Thân

KÍNH TẶNG CHỊ BÙI THỊ ĐỀ
MÙA BẢO-HIỆU NĂM 2.504

T. T.

BÓNG Từ-Mẫu xa-vân cõi học,
Khóc chia ly chưa nhạt niềm tang.
Bảy năm: cha mất bạn vàng,
Con ngư gác thấy trần-gian thiếu tình.
Nay tới lúc hồn linh của Mẹ,
Đón cha lia cõi thế nghiệp-căn:
Đêm qua một ánh sao băng,
Bình-minh cha vượt siêu thăng linh-hồn.
May con học chơn-ngôn Phật dạy:
«Chữ sắc không, sắc ấy là không».
Vô-thường tan giữa vô-cùng,
Tiếc chi cát bụi đóng khung hình hài|
Nhưng, sanh dưỡng hoài thai bảy kiếp.
Thân máu xương nặng nghiệp tiền ân:
Một đời người có hai thân,
Lâm chung khó nén tim bầm thương đau|
Bơ phờ trước ân sâu nghĩa rộng,
Nhớ dặt tâm tìm bóng tìm hình.
Tìm trong ánh nến lung linh,
Tìm trong hương khói sắc thanh bay tàn...

Rằm tháng bảy Vu-Lan Đai-lễ,
Sửa vành khăn, lau lệ, im sầu.
Thân cha an dưới cỏ khâu,
Hồn cha chưa tịnh, con cầu Bồn-Sư:
Cầu xin Đấng Đai-Từ, Đai-hiếu,
Mục-Kiền-Liên di-chiếu Vu-Lan.
Hiếu tâm đước-tuyệt soi dàng,
Hào-quang tiếp dẫn muôn ngàn hóa sinh.
Ngày báo-hiếu chí-thành cung kính,
Dâng đạo-tràng thanh tịnh trang-nghiêm;
Mười phương Phật-lực vô-biên,
Pháp-thân chuyển-hướng thiện-duyên con nhờ:
(Vòng nhơn-nghiệp như tơ vương trí,
Hương trần-oi như vị mê tâm.
Tránh sao thoát phút si sân,
Cảnh từ quả Đức có lần chua cay!)

Thương cha mẹ, sợ giây nhân-quả.
Vươn chân Người sa đọa nơi đâu?
Gởi theo mõ vọng chuông hầu,
Hội Vu-Lan hợp kinh cầu mười phương:
Nếp dưới bóng cảnh Dương Phật-Pháp,
Hồn mẹ cha Cực-Lạc siêu sinh.
Bao nhiêu nhân-sự vô-minh,
Bao nhiêu nghiệp chướng vô tình gây nên.
Của cha mẹ — con xin chịu thế,
Cầu Vu-Lan Đai-lễ chuyển di . . .



Tiếng chuông mờ nhiệm huyền-vi,
Cảm nghe như bước chân đi cõi nhàn.

TÂM-TẤN

Tác-giả quyền « HƯƠNG ĐẠO-HÀNH »

NHỮNG NGÀ ĐUỜNG

của VÕ ĐÌNH CƯỜNG

CHUYỆN DÀI XÃ HỘI

(Tiếp theo)

VIII

DUNG được bọn thân-bình thả về vào lúc xế chiều. Toàn thân nàng như-nhuễn như bị ai dằn, Nàng bây giờ chỉ là một cái xác biết cử-động, bơ-phờ, lơ-lơ. Khi mới được chúng mở cửa tổng ra khỏi căn nhà lá hẻo lánh nằm bên vệ đường tỉnh hạt, Dung vừa mừng rỡ được thoát tay bọn quỷ sứ, vừa lo sợ chúng đổi ý chạy theo kéo lại. Nàng đi như chạy, mỗi phút mỗi quay đầu nhìn lui xem chúng có chạy theo không.

Đi được một quãng xa, nàng mới chậm bước lại. Nàng há to mồm để thở, nhưng vẫn không đỡ mệt, không đỡ ngạt thở. Cổ đắng mắt mờ, Dung thấy choáng-ván, sắp muốn ngã. Nàng ngồi bệt xuống trên đường ruộng, hai tay chống ra đằng sau, chân duỗi thẳng, mặt ngược lên trời, mắt nhắm lại. Nếu cứ như thế này mà được chết thẳng luôn thì khỏe lắm.

Dung không biết mình ngồi như thế được bao lâu, nhưng khi nàng mở mắt ra thì hoàng-hôn đang kéo dần màn đêm phủ lên cánh đồng. Cảnh vật vắng vẻ quá. Dung nhìn quanh, lo sợ hoang mang. Nàng đứng dậy, uể-oải đi. Nếu trong lúc này, ai gặp nàng chắc tưởng gặp một người điên, áo quần nàng xóc-xếch, rách nhiều chỗ, cổ áo trật, đầu bù tóc rối,

chân đi đất. Nàng bước đi như một cái máy, đầu gục tới trước, hai tay buông thõng, rã-rời. Sau cái đêm hãi hùng trong tay bọn quỷ sứ, Dung như người mất trí, những cử chỉ của nàng không còn tuân theo lệnh của bộ óc nữa: khi đi, khi chạy, khi đứng lại úp mặt khóc bên gốc cây.

Về gần đến đầu Thôn, nàng sực nhớ đến mấy tiếng sùng hòm qua do bọn thân-binh bắn, khi mẹ nàng chạy theo la cầu cứu, Dung vội ã rào bước mong về xem mẹ nàng có bị tai nạn gì không, Dung đang đi trên đường thôn thì đằng sau có một đứa bé gái chạy theo gọi nàng:

— Cô, cô Dung! em Lan đây!

Nghe tiếng Lan, nữ-sinh của mình gọi, Dung đứng lại, Nàng chưa kịp nói gì thì đứa bé đã chạy đến ôm choàng lấy ngang hông nàng khóc nức nở, Dung cũng ôm lấy đầu nó và nghẹn ngào khóc theo. Nàng khóc rung cả hai vai, thắt cả ruột, đứng không vững. Hai thầy trò diu nhau ngồi xuống ở bên đường và để tự nhiên cho nước mắt trào ra. Một hồi lâu, Lan mới nói được:

— Cô, cô đừng về nhà nữa! Cô vào nhà em đi!

Dung ngạc nhiên trả lời:

— Không, cô phải về nhà cô, mẹ cô đang chờ đợi.

Con bé khóc to và nói qua tiếng khóc:

— Cô đừng về... Nhà cô không có ai cả...

Bà bị...

— Bà bị gì?

— Bà bị bắn, người ta đem chôn trên chùa Giác-hạnh
Dung khóc thét lên, hai tay cấu vào cổ. Con bé Lan

đang khóc bỗng dừng lại, lo sợ nhìn Dung đang quần-quai trong nỗi đau xót tuyệt vọng của nàng.

— Cò, cò đừng khóc nữa ! Em sợ quá. Em xin lỗi cò... đã mách với cò tin buồn ấy.

Dung vẫn khóc, gục đầu xuống ngực, không nghe thấy gì hết, Lan ngồi bên cạnh nàng, bối rối không biết làm thế nào cho nàng thôi khóc. Một hồi, nó giục :

— Trời tối lắm rồi cò ơi ! Cò đi vào nhà em đi.

Dung nắm vạt áo lau nước mắt, nhìn quanh, thấy như mình đang ngồi giữa một vực thẳm. Nàng đứng dậy nắm tay Lan nói :

— Mộ bà ở đâu, Lan biết không ? Lan chỉ giùm cho cò với.

— Em có biết, hồi chiều em đi đưa đám bà. Cò đi theo em.

Lan dẫn Dung đi về phía chùa Giác-hạnh, trèo lên đồi, đi vào nghĩa-địa. Đường dốc và tối. Đá sỏi bị nghiền dưới chân, kêu sào sạo, và lăn theo sườn đồi. Dung và Lan nhiều lần bị trượt, suýt té. Họ khom lưng bước từng bước cẩn thận, Trời không trăng, những con đóm lập lòe trong cây, có khi lẩn lộn trên nền trời sao lưa thưa. Lan nắm chặt tay Dung, nhưng vẫn không bớt sợ hãi. Một viên sỏi lăn mạnh, một ngọn lá rơi, đều làm cho nó giật mình, đứng lại. Nó cứ mừng-tượng như hồn mẹ Dung đang đứng chờ đâu đó, trong bóng cây, trong bụi rậm. Một nắm hương ai vừa mới đốt trên mộ mẹ Dung, làm đích cho hai người hướng đến. Bên mộ, hình như có bóng ai đang ngồi khấn vái. Khi nghe có tiếng chân hai người bước lại gần, cái bóng đen bỗng đứng phắt dậy và vội vã lẩn tránh vào phía

chùa. dáng đi khấp khểnh. Lan hoảng sợ thả tay Dung cầm đầu chạy lui. Dung cũng hoảng-sợ sấp chạy theo, nhưng nàng trấn tĩnh được, và đoán rằng có lẽ đó là một người nào trong chùa ra thắp hương. Nàng đứng lại gọi :

— Lan ! Lan ạ ! Lan đâu rồi ?

Nhưng Lan vẫn không trả lời, cầm đầu chạy miết xuống đồi. Đợi một chốc không thấy Lan trở lại, Dung đi tới một mình. Đến bên mộ, nàng sụp quỳ xuống, úp mặt sát đất, hai tay dang ra ôm lấy nắm mồ mới đắp ; và trong dáng điệu ấy, nàng đã để tất cả nỗi tiếc thương, đau xót, tủi hờn của mình tuông tràn theo nước mắt. Nàng cào cấu, đập tay xuống nắm mồ tàn ác đã làm ngăn cách nàng với mẹ, đã che mất nét mặt thân yêu, đã chôn vùi hơi hám của mẹ, người mẹ độc nhất không một ai có thể thay thế được, người mẹ đã đùm bọc tuổi ấu thơ của nàng trong làn nhung đen của ánh mắt, trong cánh hồng của làn môi, trong nắng ấm của hơi thở, trong nhịp võng của đôi tay ; người mẹ đau khổ, quá chông lức còn trẻ, đã lấy sự hy sinh cho con làm lẽ sống, đã theo nàng như bóng theo hình, đã tự hiến dâng mình làm một cái mộc, che đỡ tất cả những giáo mác, những mũi tên nhọn của đời cho con. Và chính hôm nay, bà đã tử-thương trong nhiệm vụ chống đỡ ấy ! Bà đã hy sinh một cách oan uổng, vô ích, vì con bà cũng vẫn không thoát khỏi vũng bùn như mà bọn sứ-giả của Ma-vương đã chìm nàng vào ! Một cảnh đời đang nhẹ trôi trong êm ấm, bỗng tan vỡ điêu tàn trong phút chốc : mẹ chết, con o-uế, vị hôn-phu ngậm tủi nuốt hờn ?

Nghĩ đến đây, Dung đau đớn đến cực điểm và nằm chết giấc ở trên mộ...

Vào khoảng chín, mười giờ đêm, có người trong chùa ra thắp hương, nhận thấy Dung đang nằm bất tỉnh trên mộ.

liền tri hô lên và người trong chùa đánh đèn đuốc chạy ra khiêng nàng vào.

Mặc dầu được thoa bóp dầu mỡ, Dung vẫn nằm mê-mang trên đường; cho đến vào khoảng 4 giờ sáng, khi nghe tiếng chuông mõ của buổi tụng kinh công phu sớm, Dung mới giật mình thức dậy. Nàng vùng ngồi dậy, bàng hoàng nhìn quanh. Khi nhận ra mình đang nằm ở trong chùa, và sự nhớ lại những sự việc vừa xảy ra hôm qua, Dung nằm vật xuống giường lại, úp mặt trên gối thút thít khóc. Nàng cắn chặt cổ tay, cho tiếng khóc đừng bật ra, để đừng ai nghe thấy. Nước mắt nàng tuông trào ướt cả gối, đầm cả má, nóng hổi. Nàng lật trái chiếc gối, và nằm ngửa mặt nhìn đĩnh mùng. Đĩnh mùng trắng xóa một màu tang tóc, khiến nàng thương nhớ mẹ vô cùng. «Giờ này, mẹ đang nằm một mình trong đất lạnh, ngoài kia. Mẹ có lạnh lắm không? Thường khi mới trở trời, mẹ đã mặc áo ấm; không biết hôm qua có ai nhớ bỏ áo ấm theo cho mẹ không? Suốt đời mẹ chỉ săn sóc con; những đêm khuya như thế này, mẹ thường không quên kéo chăn lên đắp cho con, làm như con còn nhỏ dại lắm. Mà con nhỏ dại thật, con vĩnh viễn vẫn còn là nhỏ dại dưới mắt mẹ. Mẹ không cho con săn sóc mẹ một lần nào. Con chưa kịp săn sóc mẹ, thì mẹ đã vội vã lia con mà đi. Mẹ chưa kịp nhìn con, một lần cuối, con cũng chưa kịp nhìn mẹ một lần cuối. Và từ đây, mẹ con chúng ta vĩnh viễn không thấy nhau! Con ao ước đến quay quắc, được thấy mẹ nằm bên cạnh con, nghe hơi mẹ thổi, nghe tim mẹ đập; mẹ chỉ nằm cho con một lần nữa thôi, một lần nữa thôi, rồi con không dám đòi hỏi nữa — Mẹ . . .»

«Boong!» Một tiếng chuông ngân vang từ điện Phật làm Dung giật mình và cất ngang giồng tư-tưởng của nàng.

Dung chú ý nghe. Ngoài kia, chư Tăng đang tụng bài chú Đại-Bi. Giọng trầm hùng của Sư Thiện-Ứng hòa lẫn trong giọng trong thanh của các vị Sa-di trẻ khác, làm thành một nhạc điệu hai bè, quện lấy nhau, diu nhau, nâng đỡ nhau bay vút lên cõi vô cùng, siêu thoát. Dung liền-trưởng đến một đồi thông tĩnh mịch có những hàng thông cao vút, hình ngọn nến, những con sơn-ca bay vút dựng lên trời, thả xuống những chuỗi nhũ sáng trắng như những chiếc pháo bông. Dung liền-trưởng đến một con đường dài thẳng tắp đi lên, nằm giữa hai hàng cây, nâng lướt nhẹ vun-vút trên con đường ấy, dưới chân như có bánh xe, và hai tà áo như hai cánh lộng gió, nâng nâng lên khỏi mặt đất. Đến cuối đường, nàng thấy hiện ra những cây nến trắng khổng lồ, ngọn màu vàng tươi; những bình-hương trầm khói trắng vút dựng lên cao như những giải lụa, những hoa sen trắng nở hàm-tiểu để lộ nhụy vàng rực. Và chính giữa, trên điện cao xán-lạn, đức Phật Thích-Ca đang ngồi tham thiền, một nụ cười rất nhẹ thoáng hiện trên môi. Quanh Ngài có rất nhiều tín-đồ cũng đang ngồi chấp tay niệm Phật. Dung mừng rỡ nhận thấy có cả mẹ mình trong đám đông tín-đồ ấy. Nàng có cảm tưởng như đã từng thấy quang cảnh ấy nhiều lần ở đâu rồi, à có lẽ trong những buổi lễ Phật ngày rằm hay mồng một ở chùa. Nàng lách đám đông, đi đến quỳ gần bên mẹ. mẹ nàng nhìn thấy, mỉm cười, một nụ cười thông cảm, một nụ hoa tình thương. Bên cạnh mẹ, Dung thấy lòng mình êm-ả, nhẹ lâng lâng chan hòa với lòng mẹ, không thấy có một vật gì ngăn cách cũng không thấy có một khoảng trống. Thế-giới sắc thanh xa dần, mờ dần, chìm dần . . . Tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh cũng phảng phất xa xa, rồi lịm mất . . .

Dung sực thức dậy khi nghe tiếng dệp đi lần về phía nàng. Sư Thiện-Ứng sau khi lễ Phật xong, liền cùng đi với

một chú Diệu đến thăm Dung, xem nàng đã tỉnh lại chưa. Sư vẫn còn đắp trên mình chiếc y vàng và hai ống quần vẫn còn cột túm ở phía dưới, trông rất oai nghi, đạo mạo. Mặc dù Sư đưa tay ra dấu cho Dung cứ nằm tự nhiên, nhưng nàng cũng ngồi dậy và dựa lưng vào phía thanh giường phía dưới chân, Sư nói:

— A-di-đà Phật! con đã tỉnh rồi?

Hôm qua may nhờ có chú Sư ra mộ thắp hương mới thấy, không thì con sẽ bị cảm nặng vì hơi đất và sương đêm.

— Thưa thầy, con cho là rủi. Nếu không thì con đã được chết một cách êm thấm theo mẹ con rồi.

— Đừng nói bậy không nên!

Dung hình như không để ý đến lời nói của Sư, nói tiếp:

— Thưa thầy, cuộc sống giờ đây đối với con không còn một chút giá-trị nào hết. Con sợ sống lắm rồi. Thầy cứu con sống để làm gì? Để cho con ném trái một cách thắm thía cái cảnh cô quạnh, của một đũa con gái mồ côi cha, mồ côi mẹ, bơ vơ giữa bao cạm bẫy của đời; để cho con mang cái nhục nhã, đau đớn suốt đời, vì đã bị ô-uế vì bọn quý dâm-dục; để cho không mặt mũi nào nhìn lại vị hôn phu của con nữa; để cho con... Thật con không cảm ơn thầy một chút nào, khi thầy cứu con sống.

Trước vẻ bực tức của Dung, Sư Thiện-Ứng vẫn nhẹ nhàng trả lời:

— Thầy đâu có mong cứu con sống để con mang ơn

thầy. Thầy thấy rằng dù sao, sống cũng hơn chết. Sống là chiến thắng, chết là thất bại.

— Thầy nói gì con nghe không kịp. Thầy bảo sống là chiến thắng cái gì ?

Sư Thiện-Ứng mỉm cười, nói có vẻ bí hiểm :

— Chiến thắng cái gì, rồi con sẽ tìm hiểu sau. Bây giờ thì thầy chỉ mong con hãy can đảm mà sống.

Dung im lặng một phút rồi trả lời :

— Con xin nghe lời thầy, không nghĩ đến chuyện chết nữa, nhưng con chỉ xin thầy một điều là cho con được xuất-gia . . .

— Con nghĩ thế nào mà con định xuất-gia ?

— Thưa thầy... thưa thầy con nghĩ rằng đời sống của một kẻ xuất gia ít ra cũng êm ả . . . gần như cái chết.

Sư Thiện-Ứng nhìn Dung về chua xót :

— Sao con nở mặt sát những kẻ tu hành như thế ? Thật ra cũng có nhiều người nghĩ như thế, có nhiều người làm như thế và cũng có rất nhiều người cố ý giải thích như thế ; chẳng hạn họ bảo : tu là diệt dục, mà diệt dục là diệt tất cả, cũng như tự tử. Nhưng con là Phật-tử, mẹ con là một tín đồ thuần thành, sao con nở nói như thế ? Nếu con có ý nghĩ như thế về sự xuất-gia, thì không bao giờ thầy đề cho con xuất gia.

— Thưa thầy, xin thầy thứ lỗi cho con. Con đã nói ra câu ấy trong lúc bực tức, bực tức vì thầy đã bắt con phải sống để chịu đựng thêm đau khổ. Chứ trong thâm tâm con không nghĩ như thế. Con thật tình muốn được xuất-gia để được gần mẹ con; vừa rồi trong khi nghe quý thầy tụng niệm, con đã nằm mơ thấy mẹ con một cách rõ ràng như khi người còn sống. Con thấy mẹ con ngồi hầu một bên chân Phật. Con chắc rằng đời sống đức hạnh của mẹ con phải được một chỗ ngồi như thế. Bởi thế, con muốn sống đời sống của một kẻ tu hành, bên cạnh tiếng chuông tiếng mõ để đêm đêm được trông thấy hình ảnh thân yêu của mẹ con, và để được gần mẹ con trong đời sau.

Sư Thiện-Ứng ngồi lần chuỗi hạt bồ-đề chăm chú nghe trong khi Dung nói. Đến đây, Sư cất tiếng hỏi:

— Con muốn xuất gia, còn vì lý do gì nữa không?

Dung nhìn Sư, đắn đo một phút, rồi trả lời:

— Con muốn lánh mặt tất cả mọi người, nhất là lánh mặt anh Thường, Vị hôn-phu của con. Sau cái tai biến này, con không còn mặt mũi nào để thấy lại anh Thường con nữa. Con muốn nhân dịp anh đang đi theo « cồng-voa » chở hàng lên Lào buôn bán trong vài tháng nữa mới về, để xa lánh anh luôn. Việc hôn nhân của con từ đây xem như đã hoàn toàn tan vỡ.

Dung lại sụt sùi khóc. Sư Thiện-Ứng vội khuyên can:

— Con hãy bình tĩnh để chúng ta cùng tìm một lối thoát. Nếu con cứ khóc mãi thì thầy không thể giúp đỡ con được việc gì hết... Con bảo con muốn xuất-gia vì hai lý do: thứ

nhất, để được gần gũi với mẹ con; thứ hai, để xa lánh vị hôn-phu của con. Lý do thứ nhất, thầy thấy không cần thiết lắm, vì con có thể gần gũi mẹ con mà không cần phải xuất-gia. Bao nhiêu người đã xuất gia mà đâu phải vì để được gần mẹ? Còn lý do thứ hai, thì con không nên quyết định một mình. Hãy đợi anh Thường con đi Lào về sẽ hay. Nếu Thường còn thương con thì không thể để cho con xuất gia được. Mà thầy chắc rằng sau khi tai biến vừa xảy ra, Thường lại càng thương con gấp bội trước. Thường cũng biết rằng con là một nạn nhân tội nghiệp, vừa mất mẹ, mất tất cả, bơ vơ trên đường đời. Và lại, về phần con, con có thật đã hết thương Thường hay chưa? Nếu chưa, thì dù con có xa lánh đi đâu, lòng con cũng còn vương vấn chưa yên ổn. Như thế con chỉ xa mặt, chứ đâu đã xa lòng. Mà trong sự xuất-gia tu hành, cái lòng, cái tâm là phần chính. Vậy hiện giờ, thầy khuyên con hãy tĩnh dưỡng cho khỏe và khoan quyết định gì cả. Thôi con hãy nằm nghỉ, thầy còn phải đi ra vườn xem mấy diện nhỏ tưới cây.

(Còn nữa)

...Phật pháp tuy cao siêu, là phương thuốc kỳ diệu giải-thoát chúng sanh, nhưng không người tích-cực hoằng-dương, ma quân tà thuyết sẽ thừa thế tung hoành, tham sân dục vọng do đó mà lan tràn khắp chốn khắp nơi, nhân loại chúng sanh mãi sa mình trong tội lỗi làm mê, muốn kiếp nghìn đời không thoát khỏi cảnh trầm luân...

Hòa-Thượng Thượng-Thủ THÍCH KHÁNH-ANH

PHẦN THỨ II

Mục đích và lịch-trình tiến triển của

GIA - ĐÌNH PHẬT - TỬ

(Tiếp theo)

HÙNG-KHANH

B — Về phía những Huynh - trưởng của Gia - Đình Phật - Tử. — Phải công nhận rằng hiện nay có một số rất đông Huynh-trưởng không cân xứng với trách vụ mình. Có người chưa đủ tuổi làm Huynh - trưởng; Có người chưa có một chút kinh nghiệm nào ở đời và ở Gia-đình Phật-tử; Có người chưa đọc hết nội quy của Gia-đình Phật-tử; Có người chưa thuộc mục đích và điều luật của Gia-đình; Có người thiếu khả năng, có người thiếu tác phong của một người Huynh-trưởng. Do đó, Gia-đình Phật-tử không được xem trọng. Kinh nghiệm cho thấy rằng ở đâu có những Huynh-trưởng đứng đắn, có đạo đức, thì ở đó Gia-đình Phật-tử được trọng nề. Sự nhận xét này, tất nhiên không đúng hẳn, nhưng cũng đúng ở rất nhiều trường hợp.

Một lý do khác làm cho các Ban trị-sự xem thường Gia

đình Phật-tử là sự ỷ lại quá nhiều của các ban Huynh-trưởng ở các cấp Trị sự. Bất luận một việc gì của Gia-đình Phật-tử, nhất là về vấn đề tài chánh, những người Huynh-trưởng ấy cũng cầu cứu đến ban Trị-sự. Từ y phục, cho đến xa phi, sự chi tiêu trong khi đi ~~cán trại~~... nhất nhất họ đều kêu gọi đến sự giúp đỡ của ban Trị-sự. Có người lại đặt ra cả một ban Bảo trợ, và ban Bảo-trợ này trở lại chỉ huy Gia đình Phật-tử! Điều này không có gì đáng lấy làm lạ: Khi người ta đã bỏ tiền ra, tất nhiên người ta phải kiểm soát chứ! Ai còn lạ gì mảnh lỵc sai khiến của đồng tiền. Khi đã hoàn toàn nhờ vả đến tài chánh của người khác, thì thôi đừng nói đến chuyện tự do và tự lập!

Cho nên, đoàn trưởng muốn người ta trọng ã Gia-đình mình, thì trước tiên phải lìa bỏ tánh ỷ lại, phải tập tánh tự lập, tự túc cho mình và cho các em mình; hãy cố gắng giúp đỡ người khác và đừng hy vọng người khác giúp mình. Chúng tôi không thể không chua xót mỗi khi nhận thấy có những Huynh trưởng, vì muốn được vừa lòng ban Trị-sự, đã đàn áp đàn em của mình, đến nỗi làm cho chúng mất hết cả tự tín, tự trọng, để một ngày kia chúng trở thành những con vật không có xương sống! Nếu sứ mạng giáo-dục con em, thế hệ ngày mai của Phật-tử, mà đi đến tình trạng ấy, thì thà đừng có Gia-đình Phật-tử còn hơn!

(Còn nữa)

Hội-Trưởng Hội Phật-Giáo Việt-Nam tại Trung-Phần gửi :
Các cấp Trị-Sự và toàn-thể Hội-hữu.

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÃU-NI PHẬT

Với mục-dịch duy-nhất là hoằng-dương Chánh-pháp và chấn - hưng lại nền Đạo - giáo nghìn xưa của Dân - tộc, Hội Phật - giáo chúng ta đã ra đời gần 30 năm, trong 30 năm hoạt-động Hội ta đã tập-trung mọi sự cố gắng để xây dựng và thực-hiện cho kỳ được mục-dịch trên, mặc dầu phải gặp mọi sự khó-khăn trở ngại ! Đến nay trên nhờ Hồng - ân Phật-tò, dưới nhờ sự hưởng-ứng của toàn-thể Tăng và Tín-đồ trong nước, nên khắp trong toàn cõi Việt-nam nhất là tại Trung-Nguyên và Cao-Nguyên Trung-phần, Hội ta đã góp công-đức một cách đáng kể trong việc xây - dựng nền Đạo-giáo Dân-tộc; khắp trong xứ hằng triệu Phật-tử đã hưởng-ứng và góp công góp sức vào sự hoạt-động, xây-dựng cơ-sở hoằng-pháp cho Hội.

Đề xứng đáng là một tổ-chức đại-diện cho nền Đạo-giáo cổ-truyền của Dân ta, trong thời tiền-chiến Tổng-Trị-Sự đã nghĩ đến công việc kiến-thiết một ngôi Chùa Trung-Uơng, sau khi cơ-sở đào-tạo Tăng-tài của Đại Tông-Lâm KIM-SƠN hoàn-thành, song thời-cuộc đã không cho phép Tổng - Trị - Sự thực-hiện dự - định mà cơ - sở Tông - Lâm KIM-SƠN cũng bị chiến-tranh tàn-phá hoàn-toàn ! Thực là một sự thống-tâm cho toàn-thể Phật-tử chúng ta !...

Ngày nay mỗi khi bước chân về Cổ-Đô Huế, các Hội-hữu sẽ ngạc-nhiên khi nhìn thấy giữa những Chùa-chiền to lớn, Chùa Từ-Đám không những là một cơ-quan hoằng-pháp của Tông-Trị-Sự mà lại là một Tò-đình quan-trọng bậc nhất ở Huế mà hẹp hòi, sơ-sài thiếu hẳn những tiện-nghi cần-thiết trong việc hoằng-dương Chánh-pháp! Nơi đây lại là một chỗ mà các du-khách và Phật-tử ngoại-quốc cũng như trong nước thường qua lại thăm viếng!

Sự thiếu sót trên thật đã làm mất uy-danh không ít cho Hội ta và kể cả sự tiêu-biêu của nền Đạo giáo trong nước.

Bởi vậy, nên kỳ Đại-hội của niên-khóa 1959 — 1960 toàn-thề quý vị Đại-biêu đều đã chấp nhận việc kiến-thiết lại ngôi Chùa Từ-Đám đề xứng đáng là một cơ-quan hoằng-pháp của Tông-Trị-Sự và tiêu-biêu được tính-cách quan-trọng của nền Đạo-giáo Trung-phần.

Đề tranh-thủ thời-gian, tôi kêu gọi các cấp Trị-Sự và toàn-thề Hội-hữu hãy tích-cực giúp đỡ cho công việc trên chóng thực-hiện có kết quả tốt và tạm đình-chỉ các công-tác địa-phương đề tránh cho Hội-hữu khỏi dẫm chân về sự cúng-dường này.

Đây là một Phật-sự quan-trọng và cần-thiết tôi mong mỗi sự lưu-tâm của toàn Hội.

Mỗi người một tay, triệu người sẽ xây-dựng được cơ-đờ Phật-tò.

Tôi thành-tâm cầu - nguyện Phật-tò gia hộ cho toàn-thề Hội-hữu.

HÒA-THƯỢNG GIÁC-NHIÊN

Lời kêu gọi

ÔNG CHỦ-TỊCH ỦY-BAN CỨU-TRỢ NẠN-NHÂN HÒA-HOAN

Theo thư yêu cầu của Ông Chủ-Tịch U. B. C. T. N. N. H. H. chúng tôi hoan hỷ đồng nguyên văn lời kêu gọi này. Đây cũng là việc làm hợp với tinh-thần Từ-bi cứu khổ của Phật-giáo, mong quý độc-giả xa gần lưu tâm hưởng ứng. L. T. S.

Thư Quý Đồng-bào,

Trong những tháng nắng hạn, mực dẫu dân chúng cư ngụ trong các vùng đông đúc hết sức dễ phòng hỏa-hoạn, rất nhiều xóm nhà cất bằng vật-liệu nhẹ bị thiêu hủy, gây nên cảnh màn trời chiếu đất cho hàng chục vạn người, không riêng gì ở Đô-Thành Saigon, mà tại các tỉnh cũng có xảy ra.

Trong khoảng khố, bao nhiêu cơ-nghiệp của dân lành xây-dựng bằng mồ hôi nước mắt bị tiêu tan ra tro bụi, và biết bao làng mạc biến thành hoang địa hắc ám. Tạm-trú trong những túp lều cấp tốc dựng lên, hàng ngàn trẻ thơ khóc sữa bên cạnh các bà mẹ đau khổ, đợi chờ bàn tay tế-độ của các giới Đồng-bào.

Chính-quyền địa-phương cũng như các đoàn thể sở tại đã cố gắng giúp đỡ các nạn nhân, nhưng sự giúp đỡ ấy chỉ được thực-hiện trong một phạm-vi nhỏ, thành ra mãi đến nay, một số lớn nạn-nhân hòa-hoan vẫn chưa xây-dựng lại nơi nhà cửa để tiếp tục cuộc sống như thường lệ.

Với mục-đích cứu-trợ một cách hữu hiệu, Ủy-Ban chúng tôi được phép thành lập do nghị-định số 536-BNV/HC/NĐ ngày 27-4-1960 của Ông Bộ-Trưởng Nội-Vụ, để mở cuộc lạc-quyên trong toàn quốc.

Ủy-ban chúng tôi sẵn sàng tiếp nhận mọi sự cứu giúp của Đồng-bào, bằng tiền bạc, thuốc men, áo quần, chăn màn, vãn vãn . . . để chuyển đến các nạn nhân. Ủy ban thiết-tha kêu gọi từ-tâm của Đồng-bào, để cho công cuộc cứu-trợ được kết-quả mỹ-mãn, trước khi mùa mưa bắt đầu.

Một món quà thường hoặc một số tiền nhỏ gửi đến Ủy-ban, do sự danh dự của Đồng-bào trong các chi-phi liệt-vật hằng ngày, vẫn có một ý nghĩa cao quý, vì nó thể hiện tấm lòng bác-ái của Đồng-bào và nêu cao tinh-thần liên-đới xã-hội của các tầng lớp nhân-dân trong nước.

Nhân danh các nạn-nhân hòa-hoan, Ủy-ban xin trân-trọng cảm-tạ trước tấm-thịnh-linh của Đồng-bào.

Thay mặt « Ủy-Ban Cứu-Trợ Nạn-Nhân Hòa-Hoan »

TRƯƠNG-VĨNH-LÊ

Xin liên-lạc với trụ-sở tạm thời của Ủy-ban
đặt tại số 176 đường Tự-Đức Saigon
Điện-thoại số 25.220.

Khóa huấn luyện chư Tăng tại Nam-Phần.

Hè năm nay Giáo-hội Tăng-già Nam-phần có tổ-chức khóa huấn-luyện về Giáo-lý, nghi lễ, giới-luật.v.v cho Chư Tăng các tỉnh miền Nam, chia làm 5 địa điểm là : Chùa Tam-to Hà-Tiên, chùa Thiên-Phước Cui-Lậy, chùa Pháp-Hội Chợ-lớn, chùa Vạn-Thọ Tân-Định và chùa Hội-quán Chi-hội Phật-học Biên-Hòa, Chư Tăng tham dự khóa học này được 300 vị, tinh thần học tập rất tinh-tấn và vui vẻ, kết quả rất khả-quan. Sau khóa học tập này, Giáo-hội Nam-phần sẽ chọn những vị học viên ưu-tú đưa về Trung-ương (chùa Ấn-Quang) huấn luyện một thời gian nữa rồi sung vào ban hoàng-pháp miền Nam.

Thuyền thớt tại Phật-Học-Viện

Phật-Học-Viện Nha-trang đã hoàn thành một Thuyền-thớt ở trên núi kế cận gian nhà mới của học chúng. Thuyền-thớt cao ráo đủ tiện nghi cho những vị muốn « bẻ môn thuyền-quán » Thượng-Tọa Giám-viện cho biết: Phật-Học-Viện sẵn sàng tiếp đón quý Thượng-Tọa, Đại-Đức các nơi muốn vào « bẻ môn thuyền quán » trong Thuyền-thớt ấy. Thượng-Tọa Giám-viện còn dự trù chú một quả Hồng chung lớn treo ở Học-viện để thực hiện câu :

*Gió đưa cánh trúc là đà
Tiếng chuông Học-viện canh gà
Nha-trang.
Âm thanh vượt biển băng ngàn
Thức người trần tục tránh đàng
lọt danh.*

Lớp luật học tại Bình-Định

Do sự yêu cầu của Giáo-hội Tăng-già Bình-Định, nên Tổng-Trị-Sự Trung-phần đã thỉnh Thượng-Tọa Thích-Đôn-Hậu bản báo Chủ-nhiệm vào giảng luật liên tiếp 10 ngày cho chư Tăng Bình-Định, nhờ khóa luật học này mà chư Tăng Bình-Định đã tiến bộ nhiều trên đường Đạo-nghiệp.

Trích đăng bức thư này đề trả lời chung các độc giả hỏi việc Quảng-ngãi.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
QUỐC-HỘI

Số : 2162/QH/HCI

Chủ-tịch Quốc-Hội Việt-Nam

*Kính-gởi Hòa-Thượng Hội-Chủ
Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam*

Thưa Hòa-Thượng Hội-Chủ.

Kính phúc quý văn thư số 54/PG VN/PHC ngày 5/7/1960 về việc đã xây ra tại Quảng Ngãi nhưn dịp tổ-chức ngày lễ Phật-Đản mừng 8 tháng 4, trân trọng tin Hòa-Thượng Hội-Chủ rõ :

Quốc-Hội đã chuyển văn-thư ấy đến ông Bộ-Trưởng tại Phủ Tổng-Thống đề cho cứu xét.

Kính chào Hòa-Thượng Hội-Chủ.

K.T Chủ-tịch Quốc-Hội
Phó Chủ-Tịch
LẠI-TU'

Giáo sư R.A.Gard đến Huế

Giáo sư Richar A Gard là giáo-sư Đại-học Yale ở Mỹ chuyên dạy về Phật-giáo, trước đây một năm có đến Việt-nam và đã có dịp giảng về « Lối sống Phật-giáo » tại Sài-gòn, Dalat, và Huế. Nhân dịp nghỉ hè năm nay, Giáo sư có trở lại thăm Việt-nam và đến Huế. Dưới sự hướng-dẫn của đại biểu Phật-giáo Thừa-thiên, Giáo sư đã đi thăm các chùa lớn và quý Thầy trong Giáo-hội, như chùa Thuyền-Tôn, Báo-Quốc, Linh-Quang, Hồng-Ân v.v. Trưa ngày thứ hai 1-8-60 Giáo-sư có dự buổi cơm thân mật tại chùa Từ-Đàm do Hội Phật-giáo Trung-Phần thiết đãi. Trong cuộc thăm viếng này, Giáo sư đã tìm hiểu về tình hình Phật-giáo ở Huế và đã đề lại nhiều cảm tình trong giới Phật-tử.



TIN THẾ GIỚI

Giữ một tượng Phật

Tin Mỹ cho hay vừa bắt được người lính Nhật Minagawa ở đảo Guam. Minagawa đã sống trên đảo từ 16 năm nay, sống trong rừng thâm-sống một mình, không nói chuyện với ai suốt 16 năm trường, chỉ ăn trái cây, nhất là dứa và rau dại.

Thờ dân ở đảo trông thấy anh ta, đã áp tới bắt, sau một trận vật lộn, anh bị thua, đành chịu. Anh ta

nguyên là lính trơn trong quân đội Nhật. Khi Guam bị quân Mỹ tới chiếm, anh bị lạc mất hàng ngũ nên rút vào rừng thâm-đề sống, chú nhất định không hàng.

Được cho hay là chiến tranh đã chấm dứt, anh cho là vô lý. Anh tin rằng mất Guam, nhưng quân Nhật vẫn còn chiến đấu.

Như thế mới xứng đáng tinh thần quân nhân.

Quần áo anh rách nát cả và rất dơ bẩn.

Anh còn một cái túi dết. Trong túi, chỉ còn một cái tượng Phật bằng gỗ.

Những buổi diễn thuyết về Phật-Giáo Đại Thừa

Giáo sư P. Jaini, giảng viên về Phật-giáo bằng tiếng Bắc Phạn và Nam Phạn tại Viện Ngữ-Học Á-Đông ở Luân-Đôn sẽ ở luôn tại Luân-Đôn. Ông đã nói về những nguyên tắc căn bản của Phật-giáo Đại-Thừa trong một loạt 10 bài giảng vào những ngày thứ năm cách nhau hai tuần.

Ông đã nêu ra những định nghĩa của những danh-từ chuyên môn về Đại-thừa Phật-giáo Ấn-độ.

Bà Nữ Thủ-tướng Tích-Lan

COLOMBO. — Bà quả phụ Bandaranaike, mới được cử làm Thủ-tướng Tích-lan kiêm Tổng-trưởng

Quốc-phòng và Tổng-trưởng Ngoại-giao là một tín đồ trung thành của nhà Phật. Mỗi sáng, lúc 6 giờ, bà tịnh niệm trước bàn thờ Phật chừng nửa giờ. Trong những ngày tranh cử bận rộn nhất, bà cũng không xao lãng việc đó.

Mỗi tháng vào ngày rằm, bà mặc áo trắng và nhịn ăn từ trưa đến sáng hôm sau, suốt khoảng thời gian đó bà im lặng tịnh niệm.

Con cái bà cũng theo đúng đường ấy. Chủ nhật nào bà cũng đưa 3 con đi chùa lễ Phật và nghe giảng kinh.

Cả nhà bà không ăn thịt.

Trong nhà thanh đạm, đơn giản, bà tự lo mọi chuyện nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, may y phục cho các con.

Mỗi tháng, vào ngày 21, bà bố thí cúng dường cho 20 vị Tăng. Bao nhiêu năm qua đều như vậy.

Và mỗi đêm, trước khi đi ngủ lúc 10 giờ, bà không quên tụng kinh trong nửa giờ.

Hộp thư

Quý vị có tên sau đây cho chúng tôi biết địa chỉ mới, để gửi báo và vị nào chưa thanh toán tiền năm nay xin gửi về cho chúng tôi làm việc: Phạm-văn-Hạnh, Nguyễn-đình-Bền, Hồ-thế-Đợi, Nguyễn-văn-Nhung, Phan-văn-Thè, Phan-thái-Phượng, Hoàng-thanh-Thắng, Nguyễn-Đông và Bà Nguyễn-trọng-Lai. Rất cảm ơn.

L. H.

Trung-Tâm Văn-Hóa Phật-Giáo tại Anuradhapura.

Hội Phật-Giáo Anuradhpura đã chuẩn-bị khởi công xây-dựng một Trung-tâm Văn-hóa Phật-Giáo tại Anuradhpura với tổn phí 1 triệu Ru-pi (7 triệu bạc Việt-Nam). Theo lời ông thư ký của Hội thì Hội sẽ kêu gọi sự ủng-hộ của dân chúng và sẽ tiếp xúc với các Sứ-quán ngoại-quốc tại Tích-Lan để họ góp phần giúp đỡ.

Phải tổ-chức lại giới Phật-tử Á-Châu.

« Phật - Giáo không phát triển vì thiếu sự hiểu biết chân-chính giữa Tăng-già và cư-sĩ và thiếu sự tổ-chức. Những Phật-tử của những nước như Diến-Điện, Tích-Lan, Cao-Mên và Thái-Lan phải đoàn-kết với nhau, cùng nhau cố-gắng để truyền-bá Phật-Giáo ».

Đó là lời tuyên-bố của Đại-Đức Panditha Sumanajothi Thera, giảng-viên tại Đại-học-Đường Vidyalankara ở Colombo, trong dịp buổi họp kỷ-niệm đệ thập chu niên hội Phật Giáo tại Kotte gần Colombo.

Hội Giáo-sư Phật-tử

Các Giáo-sư Đại-Học-Đường Tích-Lan ở Peradeniya đã thành lập Hội Giáo-sư Phật-tử nhằm mục-dịch phát triển lối sống Phật-giáo, giúp đỡ về mặt vật chất và tinh thần cho các hội-viên các công-chức Phật-tử của Đại-Học-Đường, tổ-chức những hoạt-dộng Phật-giáo và bảo-tồn văn-hóa Phật-giáo.